



Công ty Cổ phần PVI MCK: PVI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở chính: Số 168 - Đường Trần Thái Tông - Q. Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (84-4) 3734 2299 / Fax: (84-4) 3734 2929
Email: contact@pvi.com.vn / Website: www.pvi.com.vn

Ngọn lửa của niềm tin

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

TẦM NHÌN

Xây dựng PVI trở thành một định chế Bảo hiểm - Tài chính vững mạnh chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam, có thương hiệu quốc tế uy tín và chất lượng dịch vụ hàng đầu, duy trì sự phát triển bền vững.

SỨ MỆNH

PVI cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao nhất cho khách hàng, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho cổ đông, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động và đóng góp ngày càng nhiều hơn cho xã hội.



MỤC LỤC

04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

06 Thư ngỏ của Tổng Giám đốc

KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08 Lịch sử hình thành và phát triển

10 Mô hình hoạt động

11 Sơ đồ tổ chức - Lĩnh vực hoạt động

12 Hội đồng Quản trị

14 Ban Tổng Giám đốc

16 Ban Kiểm soát

18 Hệ thống Quản trị & Nguồn nhân lực

20 Thông tin Cổ đông & Quan hệ Nhà Đầu tư

22 Các công ty con

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN - BƯỚC TIẾN TOÀN CẦU

26 Quản trị doanh nghiệp

28 Quản lý rủi ro

CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ - VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

30 Sự kiện & Danh hiệu

32 Chỉ số tài chính kinh doanh nổi bật năm 2013

34 Định hướng phát triển cho tương lai

36 Hoạt động xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

38 Báo cáo tài chính của công ty mẹ

70 Báo cáo tài chính hợp nhất



Thư các Quý vị!

Năm 2013 là năm đặc biệt khó khăn của kinh tế Việt Nam do tích tụ cả những khó khăn trong nước và quốc tế; hơn 60.000 doanh nghiệp phải đóng cửa, phá sản, hàng trăm nghìn lao động bị nợ lương, mất việc làm. Mặc dù vẫn là đầu tàu phát triển kinh tế, nhưng trong năm 2013 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã phải tạm dừng nhiều dự án đầu tư mới do thiếu vốn như Dự án phát triển mỏ Thái Bình và Hàm Rồng, Dự án Nam Côn Sơn, Dự án đóng mới giàn khoan của VietsovPetro, Dự án Lô B - Ô môn... Điều này đã tác động làm giảm mạnh doanh thu bảo hiểm năng lượng của PVI so với kế hoạch. Mặt khác, thị trường tài chính Việt Nam vừa trải qua một năm 2013 đầy sóng gió với sản xuất đình đốn, nợ xấu gia tăng, ngân hàng giảm mạnh lãi suất, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động đầu tư tài chính của PVI.

Trong bối cảnh chung không thuận lợi đó, năm 2013 lại chứng kiến một PVI thành công vượt bậc, trên cả kỳ vọng. Bên cạnh các chỉ tiêu kinh doanh như doanh thu hợp nhất đạt 8.074 tỷ đồng (tăng trưởng 26% so với 2012), lợi nhuận trước thuế đạt 538 tỷ đồng (hoàn thành 174% kế hoạch năm), có thể nhắc đến một số thành tựu nổi bật của các công ty trong hệ thống PVI như: Tổng công ty Bảo hiểm PVI, **PVI Insurance**, lần đầu tiên vượt mức doanh thu bán lẻ 1.800 tỉ đồng, tăng trưởng trên 16% (trong khi toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ tăng trưởng khoảng 7%); với thị phần gần 21% PVI Insurance chỉ còn cách ngôi vị số 1 trên 1%. Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI, **PVI Re**, đã cổ phần hóa thành công và nhận tấm giấy thông hành giá trị vào thị trường tái bảo hiểm quốc tế qua việc được lựa chọn vào Danh sách đủ tiêu chuẩn nhận tái bảo hiểm (Security List) của HDI-Gerling/ Hannover Re và là Nhà Tái bảo hiểm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của AON Benfield. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ **PVI Sun Life** ngay trong nửa năm đầu tiên đi vào hoạt động đã đạt doanh thu hơn 1.000 tỷ đồng, đứng thứ 3 thị trường về doanh thu khai thác mới (trong tổng số 16 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ), lợi nhuận trước thuế hơn 39 tỷ đồng, tạo nên một "hiện tượng" trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Với **PVI Tower** - một trong những tòa nhà văn phòng lớn nhất Hà Nội, được các chuyên gia bất động sản đánh giá là một trong những tòa nhà đẹp và có kết quả kinh doanh ấn tượng nhất năm 2013. Giờ đây chúng ta đã có một trụ sở mới khang trang, hiện đại, xứng tầm với một định chế Bảo hiểm - Tài chính; đây cũng là "đại bản doanh" của những thương hiệu thuộc đẳng cấp quốc tế như Samsung, Obayashi etc.

Với các thành tích hết sức ấn tượng mà PVI đã đạt được trong suốt 18 năm qua, PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng III. Phần thưởng cao quý này cùng với Huân chương Lao động hạng Nhất và Danh hiệu Anh hùng Lao động là sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với những đóng góp tích cực của PVI cho cộng đồng, cũng là sự thể hiện niềm tin của Đảng và Nhà nước, của khách hàng, đối tác và các cổ đông dành cho PVI.

Tôi xin nhiệt liệt biểu dương Ban điều hành PVI đã nghiêm túc thực hiện chiến lược phát triển của HĐQT, kịp thời nắm bắt diễn biến thị trường, đồng thời sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, đảm bảo cả hệ thống PVI vận hành một cách thống nhất, hiệu quả trong mô hình mới (công ty mẹ - công ty con). Tôi xin chân thành cảm ơn các cổ đông, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã định hướng chiến lược đúng đắn và luôn hỗ trợ hiệu quả cho PVI trên mỗi chặng đường phát triển; cảm ơn đối tác Talanx/ HDI-Gerling vì sự giúp đỡ hiệu quả cho sự phát triển của PVI trong năm qua. Tôi xin cảm ơn các quý khách hàng vì sự tin tưởng và ủng hộ dành cho thương hiệu PVI, xin cảm ơn

Thông điệp của CHỦ TỊCH HĐQT

tập thể cán bộ nhân viên PVI đã chung sức chung lòng, tận tâm tận lực, tất cả vì thành công của PVI.

Bước sang năm 2014, kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, kinh tế Việt Nam có những bước chuyển biến khả quan hơn, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và đứng trước nhiều thách thức. Đặc biệt, việc tham gia vào Hiệp ước kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ đặt đất nước trước những vận hội lịch sử để phát triển. Mục tiêu mà PVI muốn hướng đến không chỉ là số 1 về doanh thu hay tốc độ tăng trưởng, mà là số 1 về hiệu quả hoạt động, số 1 về mức độ hài lòng của khách hàng, đối tác chiến lược, nhà đầu tư, người lao động, là niềm tự hào số 1 của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Để hướng tới mục tiêu đó và đảm bảo sự phát triển bền vững cho toàn hệ thống, PVI cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- **PVI Holdings:** Thành lập PVI AM, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án có giá trị từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước theo chủ trương của Chính phủ; triển khai tái cấu trúc theo chiều sâu tới từng đơn vị thành viên trong hệ thống PVI, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, đảm bảo việc kết nối minh bạch và hiệu quả giữa các công ty trong hệ thống PVI.

- **PVI Insurance:** tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp; giữ vững thị trường bảo hiểm công nghiệp, tăng cường phát triển hệ thống bán lẻ; xây dựng chiến lược bán chéo các sản phẩm bảo hiểm trong đó tận dụng hệ thống đại lý của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên mức B++.

- **PVI Re:** xây dựng chiến lược phát triển PVI Re trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp, theo định hướng lấy tái bảo hiểm cố định (Treaty) làm hoạt động kinh doanh lõi; tập trung xây dựng hệ thống quản trị rủi ro minh bạch, hiệu quả, thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính tuân thủ ("compliance") của hệ thống; tuyển dụng, đào tạo đội ngũ nhân sự theo mô hình của các công ty Tái bảo hiểm chuyên nghiệp quốc tế; xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, tác phong làm việc cẩn trọng và kỷ luật; lựa chọn đối tác chiến lược, tăng đủ vốn để kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên B++.

- **PVI Sun Life:** tập trung phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí, phần đầu trở thành nhà bảo hiểm hưu trí số 1 thị trường; chủ động nắm bắt và làm chủ công nghệ; xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn hiệu quả, đảm bảo việc phát triển bền vững trong tương lai; xây dựng các cơ chế chính sách kinh doanh phù hợp với thị trường Việt Nam, đặc biệt là đối với các khách hàng doanh nghiệp.

Với truyền thống hào hùng của PVI, với tầm nhìn và bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo, nhiệt huyết, tri thức, tinh thần đoàn kết và niềm tin chiến thắng của tập thể cán bộ nhân viên PVI, tôi tin chắc rằng năm 2014 chúng ta sẽ tiếp tục chứng kiến những thành công mới, những "đỉnh" mới trên chặng đường phát triển vinh quang của PVI.

Trân trọng!

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT PVI

Năm 2013 đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp của cuộc khủng hoảng kinh tế tại Việt Nam. Thị trường tài chính trải qua nhiều biến động, mặt bằng lãi suất hạ xuống mức thấp nhất từ năm 2006. Dù được coi là lá chắn của nền kinh tế song ngành bảo hiểm cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ lần đầu tiên tăng trưởng âm vào quý I/2013 (-5%), tăng trưởng cả năm 2013 hơn 7%, kéo tăng trưởng chung của toàn thị trường bảo hiểm chỉ ở mức 14% - thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Trước những khó khăn của nền kinh tế vi mô, PVI đã một lần nữa chứng tỏ bản lĩnh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Với tầm nhìn chiến lược đúng đắn, mô hình tái cấu trúc hiệu quả và hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, minh bạch, PVI đã vượt qua khó khăn chung để hoàn thành xuất sắc tất cả các nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao phó. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống PVI đạt **9.720 tỷ đồng**, doanh thu hợp nhất lần đầu tiên vượt mốc 8.000 tỷ đồng - đạt **8.074 tỷ đồng**, tăng trưởng trên **26%**, lợi nhuận trước thuế đạt 538 tỷ đồng; trong đó doanh thu bảo hiểm gốc (cả nhân thọ và phi nhân thọ) tăng trưởng trên **31%** - mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Không chỉ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, PVI đã giữ vững cam kết với các cổ đông với việc thực hiện chi trả cổ tức **10%** - cao hơn mức đã cam kết với Đại hội đồng cổ đông (9%). Quan trọng hơn, đây là kết quả từ sự phát triển bền vững, tăng trưởng theo chiều sâu của PVI với sự hoạt động hiệu quả trên cả ba lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ và tái bảo hiểm.

Trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, trong khi nhiều doanh nghiệp còn đang nỗ lực để cắt lỗ nghiệp vụ, Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) tiếp tục là doanh nghiệp có lãi nghiệp vụ cao nhất thị trường với tỷ lệ bồi thường thấp nhất trong Top 5 công ty bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh việc tập trung phát triển hệ thống bán lẻ với tốc độ tăng trưởng 16%, PVI tiếp tục giữ vững vị trí là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam. **Trên lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ**, nhận thấy những cơ hội phát triển tiềm năng của thị trường, PVI đã chính thức đưa Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) đi vào hoạt động từ tháng 6/2013. Với những sản phẩm ưu việt cùng chiến lược kinh doanh đúng đắn khi khai thác tối đa thị trường trong lĩnh vực Dầu khí, PVI Sun Life không chỉ đạt kết quả ấn tượng mà còn đóng góp đáng kể cho thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam với doanh thu bảo hiểm gốc hơn 1.000 tỷ đồng, nâng doanh thu khai thác mới của toàn thị trường tăng trưởng 32% so với cùng kỳ năm trước (con số này năm 2012 chỉ là 13,3%), đồng thời là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đầu tiên tại Việt Nam có lãi ngay năm đầu hoạt động. **Trên lĩnh vực tái bảo hiểm**, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) tiếp tục đi tiên phong trong hội nhập quốc tế với việc tham gia Danh sách đủ tiêu chuẩn nhận tái bảo hiểm (Security List) của HDI-Gerling/Hannover Re. Đồng thời, việc hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ tạo đà cho PVI Re mở rộng quy mô và năng lực tài chính, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Bên cạnh đó, việc hoàn thành và đưa vào sử dụng Tòa nhà PVI đã một lần nữa chứng minh thương hiệu và vị thế của PVI khi lấp đầy 70% diện tích cho thuê, đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu PVI khi là một điểm sáng của phân khúc cho thuê văn phòng trên thị trường bất động sản Việt Nam.

Để có được những thành công đó, tập thể Lãnh đạo và cán bộ nhân viên PVI đã nỗ lực không ngừng để vượt qua khó khăn, phát triển doanh nghiệp, đóng góp hiệu quả cho nền kinh tế đất nước để xứng đáng là đơn vị **Anh hùng Lao động**. Nhìn lại năm 2013, PVI có quyền tự hào khi thương hiệu “Ngọn lửa của niềm tin” đã đồng hành cùng các chương trình bảo hiểm cho hầu hết các dự án trọng điểm quốc gia, đi tiên phong trong việc hội nhập với thị trường tái bảo hiểm quốc tế đồng thời gắn với hình ảnh của một tòa nhà văn phòng hạng A đẳng cấp mang tên PVI. Càng tự hào hơn khi thương hiệu đó nhận được sự đánh giá cao bởi các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, của quý khách hàng, và thêm một lần nữa nhận được sự tin tưởng và ghi nhận của Đảng, Nhà nước và Nhân dân khi trao tặng phần thưởng cao quý - **“Huân chương độc lập hạng III”**.

Bước sang năm 2014, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ bước vào giai đoạn hồi phục, Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 5,8% và lạm phát ở mức 7%. Việt Nam tiếp tục đối mặt với những vấn đề nội tại của nền kinh tế, bao gồm việc tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh cổ phần hóa, tập trung vào lĩnh vực lõi, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa theo

thông lệ quốc tế. Là doanh nghiệp đi tiên phong trong công tác tái cấu trúc, PVI sẽ tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình tái cấu trúc doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả với mô hình quản trị chuyên nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tạo đà cho sự phát triển bền vững của toàn hệ thống trong dài hạn, cụ thể:

- Thành lập Công ty Quản lý quỹ PVI nhằm tăng tính hiệu quả, chuyên nghiệp hóa việc quản lý nguồn vốn trong toàn PVI.

- Nghiên cứu phương án triển khai cổ phần hóa PVI Insurance theo đúng các quy định của pháp luật để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng mức giữ lại cho các rủi ro tốt, góp phần tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm của toàn hệ thống.

- Tiếp tục tăng vốn cho PVI Sun Life với mục tiêu trở thành Công ty bảo hiểm nhân thọ đứng đầu thị trường về sản phẩm hưu trí.

- Triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ của PVI Re nhằm tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả kinh doanh tái bảo hiểm đồng thời tập trung đẩy mạnh việc nhận tái bảo hiểm từ thị trường quốc tế.

Để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch năm 2014, toàn hệ thống PVI phải xác định rõ lợi thế, thách thức để xây dựng chiến lược phát triển cho từng lĩnh vực, đảm bảo duy trì phát triển bền vững với các giải pháp cụ thể sau:

- Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành hệ thống, quản lý rủi ro, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính minh bạch, chuyên nghiệp, phù hợp với những thay đổi trong công tác tái cấu trúc của toàn hệ thống.

- Xây dựng chiến lược marketing tổng thể cho toàn hệ thống, phát triển và nâng tầm thương hiệu PVI trên thị trường trong nước và quốc tế, giữ vững xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M Best ở mức B+(Tốt) cho lĩnh vực bảo hiểm và nâng hạng B++ cho lĩnh vực tái bảo hiểm. Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển và chuẩn hóa các sản phẩm phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu cũng như khả năng chịu rủi ro của từng khách hàng, nâng cao chất lượng tư vấn và dịch vụ sau bán hàng.

- Không ngừng nâng cao chất lượng của hệ thống nhân sự, rà soát và tuyển dụng các nhân sự có chuyên môn cao, đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên nghiệp và bài bản. Đồng thời, tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống

Trong năm 2014 và giai đoạn tiếp theo, sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới đã và đang cho thấy tầm nhìn chiến lược đúng đắn của PVI trong những năm qua khi quyết liệt tái cấu trúc để đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe của thị trường tài chính – bảo hiểm quốc tế. Việc Việt Nam tham gia hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các Hiệp định thương mại tự do với EU đang đặt PVI trước những cơ hội để gạt hái những thành công mới. Với tầm nhìn và tư duy khác biệt, cùng bản lĩnh, trí thức và khát vọng của Tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, tôi tin tưởng rằng PVI sẽ tiếp tục tìm thấy những cơ hội trong khó khăn, tìm ra những lối đi riêng để tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới, hiện thực hóa khát vọng trở thành một định chế bảo hiểm – tài chính có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế.

Cuối cùng, thay mặt Ban lãnh đạo PVI, tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất và lời cảm ơn chân thành tới các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành, đặc biệt là các đồng chí Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã luôn ủng hộ và chỉ đạo sát sao trên từng chặng đường phát triển của PVI, xin cảm ơn các đơn vị thành viên của PVN, các cổ đồng chiến lược nước ngoài, các quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước cùng tập thể cán bộ nhân viên PVI vì đã chia sẻ và đồng hành, tin tưởng và cống hiến cho sự tỏa sáng bền bỉ của PVI - “Ngọn lửa của niềm tin”.

Trân trọng!

Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc PVI



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 1996



Ngày 23/01/1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập, với vai trò là công ty bảo hiểm nội bộ ngành Dầu khí, quản lý mọi rủi ro và tài sản của ngành ở trong nước và quốc tế.

NĂM 2005



Ngày 05/7/2005 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba

NĂM 2006



Năm 2006, theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, PVI tiến hành cổ phần hóa với một loạt những thay đổi về cơ cấu quản trị và chiến lược kinh doanh và được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Và có thể nói, con đường thành công của PVI đã thực sự rộng mở từ đây.

Ngày 30/12/2006 - PVI lần đầu chào bán cổ phần ra công chúng, lập kỷ lục phiên chào bán có số lượng đăng ký nhiều nhất.

NĂM 2009



Ngày 19/6/2009 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì.

NĂM 2010



Ngày 21/9/2010 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.

Năm 2010, PVI trở thành doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên nhận được đánh giá xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt) của tổ chức xếp hạng danh tiếng A.M BEST.

Với việc trở thành đối tác chiến lược của Quỹ Đầu tư Oman (OIF) trong năm 2010 và hàng loạt các dự án tham vọng, PVI khẳng định vị thế số 1 của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, hoàn toàn thuyết phục Tạp chí World Finance (Anh) trao giải thưởng "Nhà Bảo hiểm tiêu biểu của năm 2010" cho mình.

NĂM 2011



Ngày 27/5/2011 - PVI được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

Tháng 8/2011 PVI tái cấu trúc hoạt động theo mô hình công ty mẹ (Công ty Cổ phần PVI) – công ty con với 02 công ty trực thuộc hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (Tổng công ty Bảo hiểm PVI) và tái bảo hiểm (Công ty Tái bảo hiểm PVI).

Tháng 11/2011 PVI trở thành đối tác chiến lược của Tập đoàn Talanx (CHLB Đức).

NĂM 2012



Hoàn thiện mô hình hoạt động theo phương án tái cấu trúc đề ra, PVI chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự ra đời của 02 công ty con là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI A.M

Mục tiêu của PVI Sun Life, công ty do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ và Sun Life Financial (Canada) sở hữu 49% vốn điều lệ, là trở thành Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

Tháng 7/2012, PVI cũng đã tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).

NĂM 2013



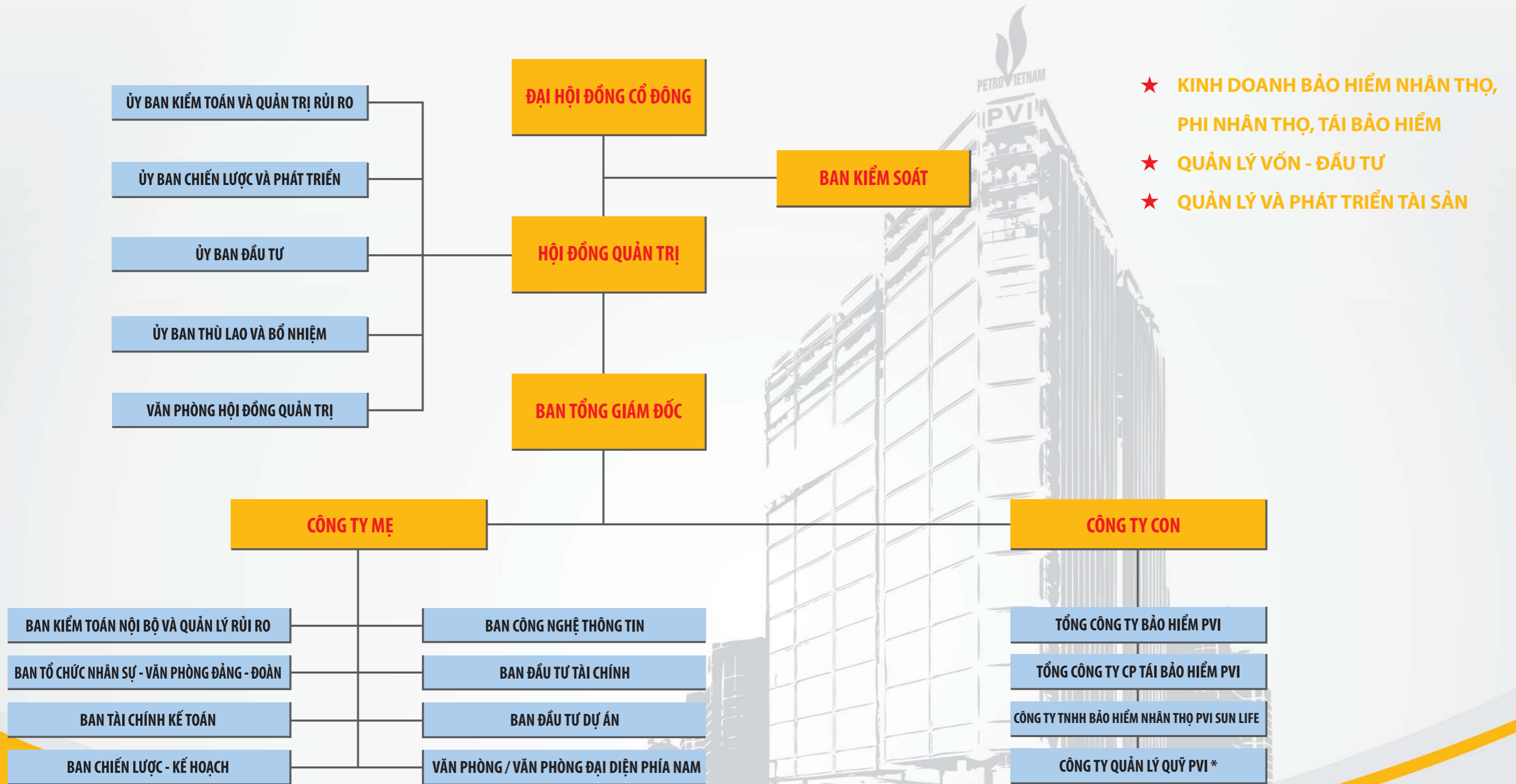
PVI tập trung vào công tác kiện toàn tái cấu trúc doanh nghiệp. Ngày 12/03/2013 Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life đã chính thức ra mắt. Tiếp theo đó, ngày 16/06/2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 27/07/2013 tại Thành phố Hà Nội và ngày 04/08/2013 tại Thành phố Đà Nẵng, PVI Sun Life "Công bố hoạt động và triển khai bán sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ", hoàn thành chân kiềng kinh doanh thứ 3 của PVI là kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ.

Cũng trong năm, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ 668 tỉ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI. PVI Re cũng chính thức được chấp thuận là nhà tái bảo hiểm đủ tiêu chuẩn thuộc Security List của Talanx.

Trong năm 2013, PVI đã nhận được sự ghi nhận đánh giá cao từ nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước như: nhận được xếp hạng tài chính ở mức B+ (Tốt) từ tổ chức xếp hạng quốc tế A.M.Best trên cả hai lĩnh vực bảo hiểm và tái bảo hiểm, được tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam.



Ngày 27/12/2013 - PVI vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập Hạng Ba



- ★ KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ, PHI NHÂN THỌ, TÁI BẢO HIỂM
- ★ QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ
- ★ QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN

* Dự kiến thành lập trong năm 2014



ÔNG ULRICH HEINZ WOLLSCHLÄGER
Thành viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN KHUYẾN NGUỒN
Thành viên HĐQT

ÔNG DƯƠNG THANH DANH FRANÇOIS
Thành viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch HĐQT

ÔNG BÙI VẠN THUẬN
Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc

ÔNG TÔN THIỆN VIỆT
Phó Chủ tịch HĐQT

ÔNG TUNG SING LAU
Thành viên HĐQT

ÔNG BADRI NARAYANAN SATHANA KRISHNAN
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG TRẦN VĂN QUÝ

Phó Tổng giám đốc

ÔNG TRƯƠNG QUỐC LÂM

Phó Tổng giám đốc

ÔNG NGUYỄN NGỌC MINH

Phó Tổng giám đốc

ÔNG BÙI VĂN THUẬN

Ủy viên HĐQT
Tổng giám đốc

ÔNG PHẠM KHẮC DŨNG

Phó Tổng giám đốc thường trực

ÔNG PHẠM ANH ĐỨC

Phó Tổng giám đốc

ÔNG VŨ VĂN THẮNG

Phó Tổng giám đốc

ÔNG PHÙNG TUẤN KIÊN

Kế toán trưởng



ÔNG GERARD AMAL WAHAB

Thành viên Ban Kiểm soát

ÔNG OLIVER MASSMANN

Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ HÀ LAN

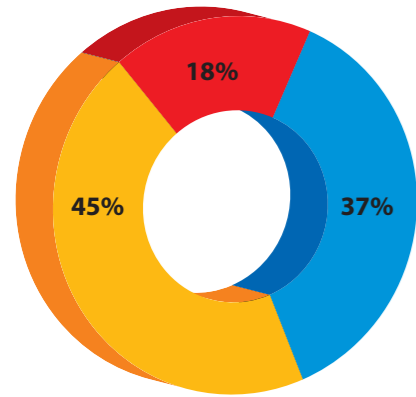
Trưởng Ban Kiểm soát

ÔNG JENS HOLGER WOHLTHAT

Thành viên Ban Kiểm soát

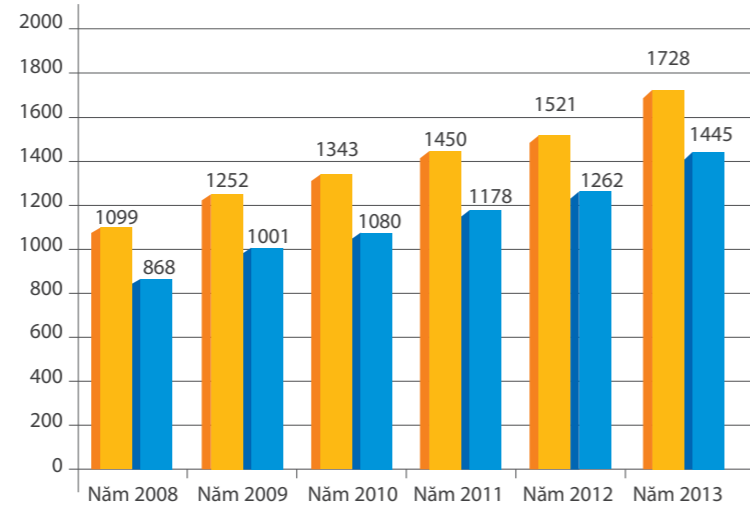
BÀ PHAN THỊ THU HUYỀN

Thành viên Ban kiểm soát



ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG NĂM 2013

- Lao động dưới 30 tuổi
- Lao động từ 30 tuổi đến 39 tuổi
- Lao động trên 40 tuổi



BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG NHÂN SỰ CỦA PVI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2013

- Tổng số lao động
- Tổng số lao động có trình độ Đại học trở lên

Trong năm 2013, PVI chủ động và tiếp tục thực hiện thành công công tác Tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

I. VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:

1. CÔNG TY MẸ:

Cơ cấu quản trị tại PVI được chia theo hai cấp, trong đó Công ty mẹ thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp và các Công ty con thực hiện chức năng quản trị kinh doanh. Để tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đáp ứng hoạt động chính của Công ty mẹ là hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực tài chính khác. Trong năm 2013, Công ty mẹ đã tập trung hoàn thiện Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị theo đó thành lập Ủy ban Đầu tư, Ủy ban thù lao và bổ nhiệm để tăng cường chức năng quản trị doanh nghiệp trong toàn hệ thống của PVI. Bên cạnh đó, bộ máy các Ban chức năng giúp việc Ban điều hành cũng được tổ chức gọn nhẹ với sự phân công chức

năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng, không chồng chéo. Qua đó, PVI đã từng bước hoàn thiện cơ cấu quản trị, áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị điều hành, xác định trách nhiệm và mối quan hệ giữa Công ty mẹ - Công ty con, công tác quản trị doanh nghiệp đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả.

2. CÁC CÔNG TY CON:

* Hoàn tất việc chuyển đổi mô hình hoạt động của PVI Re:

Ngày 1/10/2013, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó PVI nắm giữ 68,86%.

* Định hướng chiến lược tập trung đầu tư vào 04 lĩnh vực kinh doanh lõi.

* Nghiên cứu xây dựng kế hoạch cổ phần hóa Tổng công ty Bảo hiểm PVI.



II. VỀ NHÂN SỰ:

1. TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2013, TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TOÀN PVI LÀ 1.728 NGƯỜI.

Năm 2011 tổng số lao động toàn PVI là 1.450 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 100 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1.318 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 32 người

Năm 2012 tổng số lao động toàn PVI là 1.521 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 103 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1.376 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 42 người

Năm 2013 tổng số lao động toàn PVI là 1.728 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 109 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1.568 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 51 người

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PVI

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	SỐ LƯỢNG CP HIỆN TẠI	TỶ LỆ SỞ HỮU CP HIỆN TẠI
1	TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	831.497.400	35.50%
2	HDI-GERLING VERSICHERUNG AG (TALANX)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	745.315.030	31.82%
3	FUNDERBURK LIGHTHOUSE LIMITED (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	271.178.950	11.58%
4	NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM (PVCOMBANK)	22 Ngô Quyền Hà Nội	Tài chính	145.932.430	6.23%
5	CỔ ĐÔNG KHÁC			348.495.400	14.88%

Trong những năm qua, công tác quan hệ nhà đầu tư của Công ty Cổ phần PVI (PVI) luôn được đặc biệt chú trọng và quan tâm. PVI luôn xem cổ đông là những người chủ thực sự của doanh nghiệp. Những hoạt động nhằm củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa PVI và nhà đầu tư đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của PVI trong thời gian qua. Chính lòng tin và sự gắn kết của các cổ đông với doanh nghiệp sẽ giúp PVI có thêm nguồn vốn dài hạn để tăng trưởng và giá trị đích thực của cổ phiếu PVI sẽ được cộng đồng nhà đầu tư cùng chung tay gìn giữ.

Việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông luôn là giá trị cốt lõi xuyên suốt trong hoạt động Quan hệ cổ đông của PVI. Là một Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), PVI luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HNX. Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị, giao dịch cổ phần của Cổ đông lớn luôn được công ty cập nhật trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương

tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, PVI cũng luôn chú trọng đến các thông tin về kế hoạch phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp.

Trong những năm qua, bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI đã làm tốt chức năng là cầu nối hữu hiệu gắn kết cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. Không chỉ tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, PVI luôn sẵn sàng đối thoại với cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các Nhà đầu tư, các Quý, tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI. Đến với PVI, cổ đông dù là tổ chức hay cá nhân, dù là cổ đông lớn hay cổ đông nhỏ lẻ, luôn nhận được sự đón tiếp chân thành, trao đổi cởi mở và hợp tác. Các câu hỏi và ý kiến của cổ đông thông qua điện thoại hay email trực tiếp luôn được PVI nhanh chóng phản hồi. Ngoài ra, PVI đã phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo Tài chính giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn



diện về doanh nghiệp.

Với nguyên tắc chiến lược minh bạch, an toàn và hiệu quả, PVI cam kết đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông. Năm 2013, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, dẫn đến những tổn thất rất lớn cho cộng đồng doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp tạm dừng hoạt động gia tăng, nhiều nhà đầu tư rút vốn, rời bỏ thị trường. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn như vậy nhưng các cổ đông, đặc biệt các cổ đông lớn vẫn giữ vững niềm tin với PVI, gắn bó lâu dài với PVI.

Với những nỗ lực như vậy, ngoài những đối tác chiến lược như Tập đoàn Talanx (CHLB Đức), Quỹ đầu tư OIF (Oman), năm 2013 PVI đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với Sun Life Financial (Canada). Theo thỏa thuận đã ký, công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life đã được thành lập, trong đó PVI sở hữu 51% vốn điều lệ và Sun Life Financial sở hữu 49% vốn điều lệ. Theo đó, Sun Life Financial chính thức trở thành đối tác chiến lược nước ngoài của PVI trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ.

Trong năm 2014, PVI sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng

cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

- **Tăng cường năng lực hoạt động và sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ công chúng và các Ban quản lý kinh doanh nhằm cung cấp cho nhà đầu tư nhiều thông tin bổ ích hơn nữa.**

- **Nâng cấp website công ty, cập nhật các thông tin tài chính của công ty cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.**

- **Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.**

PVI cam kết và khẳng định tôn chỉ hoạt động hướng về lợi ích Nhà đầu tư và Cổ đông - những người đã cùng đồng hành với PVI trên chặng đường phát triển những năm qua và trong những năm tiếp theo.



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI) THÀNH CÔNG VÀ KHẲNG ĐỊNH

HƠN 2 NĂM KỂ TỪ KHI TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG, BẢO HIỂM PVI ĐÃ GẶT HAI ĐƯỢC NHIỀU THÀNH CÔNG, KHẲNG ĐỊNH ĐƯỢC UY TÍN VÀ VỊ THẾ HÀNG ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ... KẾT THÚC NĂM 2013, BẢO HIỂM PVI LÀ MỘT TRONG SỐ ÍT CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM (DNBH) TRÊN THỊ TRƯỜNG HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH KINH DOANH VỚI TỔNG DOANH THU 6.082 TỶ ĐỒNG VÀ LỢI NHUẬN 482 TỶ ĐỒNG.

Thành công từ những con số

Thành công nổi bật nhất trong năm 2013 này chính là lần đầu tiên Bảo hiểm PVI chinh phục cột mốc doanh thu 6.000 tỷ đồng và là doanh nghiệp có lãi nghiệp vụ lớn nhất thị trường phi nhân thọ Việt Nam. Năm 2013, Bảo hiểm PVI đạt **tổng doanh thu 6.082 tỷ đồng, tăng trưởng 11,5%** trong đó **doanh thu bảo hiểm gốc là 5.100 tỷ đồng, tăng trưởng 9,5%** và cao hơn trung bình tăng trưởng của toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. **Lợi nhuận trước thuế của Bảo hiểm PVI đạt 482 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 6%**. Với kết quả này, Bảo hiểm PVI đạt 21% thị phần toàn thị trường phi nhân thọ, dẫn đầu trong lĩnh vực Bảo hiểm Năng lượng, Bảo hiểm Tài sản và Bảo hiểm Hàng hải đồng thời vươn lên là nhà bảo hiểm bán lẻ hàng đầu.

Điểm ấn tượng tại kết quả kinh doanh năm nay đó chính là hệ thống bán lẻ của Bảo hiểm PVI tăng trưởng cao, đạt trên 16% so với năm 2012, cao hơn nhiều so với tỷ lệ tăng trung bình của thị trường bán lẻ. Bảo hiểm PVI cũng chính là DNBH đẩy mạnh phát triển công tác bán lẻ nhất trong năm vừa qua.

Khẳng định trong hoạt động kinh doanh

Năm 2013, bên cạnh việc tái tục thành công 100% các khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí - Năng lượng, Bảo hiểm PVI đã thành công trong việc triển khai tư vấn và cung cấp dịch vụ bảo hiểm sang lĩnh vực khác như các dự án điện, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài FDI/ODA, các dự án cơ sở hạ

tầng của Bộ GTVT hay trong lĩnh vực hàng không...

Hai trong số các dự án nổi bật năm 2013 của Bảo hiểm PVI: Thứ nhất là dự án “**Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu**” - công trình quan trọng với quy mô lớn nhất Việt Nam và cũng là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á với tổng giá trị bảo hiểm là gần 14.700 tỷ; Thứ hai chính là dự án bảo hiểm xây dựng lắp đặt cho tổ hợp “**Dự án khu liên hợp gang thép và Cảng nước sâu Sơn Dương Formosa**” - dự án có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất Việt Nam đến thời điểm hiện tại, có độ phức tạp cao, nằm ở khu vực có nhiều thiên tai, phạm vi bảo hiểm rộng. Bảo hiểm PVI đã phải chào thầu cạnh tranh đối với rất nhiều Tập đoàn bảo hiểm lớn trên thế giới trong đó có cả các Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu của Đài Loan, tuy nhiên với năng lực tài chính đạt xếp hạng quốc tế cùng kinh nghiệm từ các cán bộ chủ chốt, Bảo hiểm PVI đã được lựa chọn là Nhà bảo hiểm gốc đứng đầu cho toàn bộ dự án này.

Về công tác bồi thường, Bảo hiểm PVI đã giải quyết nhanh chóng và chính xác, giúp các khách hàng an toàn về mặt tài chính, ổn định sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế còn khó khăn.

Trên trường quốc tế, năm 2013 Bảo hiểm PVI tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm tài chính B+ (Tốt) từ tổ chức đánh giá uy tín hàng đầu thế giới là A.M. Best. Điểm mới trong lần đánh giá này là A.M. Best đã ghi nhận triển vọng nâng của Bảo hiểm PVI là “tích cực” trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang suy thoái và triển vọng nâng hạng quốc gia của Việt Nam chỉ dừng ở mức ổn định.

Lấy Khách hàng làm thước đo Giá trị

Là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường, song Bảo hiểm PVI vẫn luôn chú trọng công tác phát triển thị trường bán lẻ, không ngừng đầu tư, mở rộng khai thác và nâng hạng cao chất lượng dịch vụ với triết lý kinh doanh “**Lấy Khách hàng làm thước đo Giá trị**” xuyên suốt hoạt động của Công ty. Điều này được thể hiện qua quá trình nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo sự hài lòng tuyệt đối với Khách hàng của Bảo hiểm PVI trong suốt thời gian qua.

Năm 2013, Bảo hiểm PVI đã triển khai bán hàng trực tuyến tại địa chỉ <http://pvionline.com.vn>, với những tính năng vượt trội, mang lại sự thuận tiện và nhanh chóng



cho Khách hàng mua bảo hiểm. Bên cạnh đó, việc ra mắt Trung tâm chăm sóc dịch vụ Khách hàng (PVI Contact Center 24/7) và Trung tâm Bảo lãnh viện phí (tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) đã khẳng định cam kết của Bảo hiểm PVI vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng. Với những hoạt động đẩy mạnh công tác dịch vụ khách hàng vừa qua, Bảo hiểm PVI là một trong số ít các DNBH trên thị trường mang đến đầy đủ tiện ích sau bán hàng đến với các Khách hàng.

Tham vọng lớn trong năm 2014

Kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2013 cũng là bàn đạp cho sự phát triển lâu dài trong các năm tiếp theo. Trong năm 2014, Bảo hiểm PVI phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu trên 7% đồng thời đa dạng hóa các kênh khai thác, chú trọng công tác dịch vụ khách hàng hướng tới trở thành Nhà bảo hiểm bán lẻ hàng đầu Việt Nam. Cụ thể, Ban lãnh đạo Bảo hiểm PVI đặt ra những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2014 như sau:

Thứ nhất, giữ vững vai trò là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường, dẫn đầu trong các lĩnh vực bảo hiểm Thiệt hại - Tài sản, bảo hiểm Tàu thuyền.

Thứ hai, doanh thu từ hệ thống bán lẻ tăng trưởng tối thiểu là 16%, chiếm từ 40% - 45% tổng doanh thu bảo hiểm gốc trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.

Thứ ba, tăng cường nhận tái bảo hiểm và triển khai bảo hiểm ra ngoài nước, đặc biệt đẩy mạnh hoạt động nhận tái từ các cổ đồng chiến lược nước ngoài.

Thứ tư, phấn đấu nâng hạng tín nhiệm tài chính quốc tế lên mức B++.

Thứ năm, chuẩn bị phương án Cổ phần hóa theo chỉ đạo của PVI Holdings.

Với nỗ lực, chung sức chung lòng, phát huy truyền thống và những thành tựu đã đạt được của PVI những năm qua, Ban lãnh đạo Bảo hiểm PVI rất tự tin vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh 2014 và tiếp tục xây dựng Bảo hiểm PVI trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín lớn trên thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế./

NHỮNG SỰ KIỆN LỚN CỦA BẢO HIỂM PVI NĂM 2013:

- ★ CHINH PHỤC MỐC 6.082 TỶ ĐỒNG DOANH THU;
- ★ DOANH THU CỦA HỆ THỐNG BÁN LẺ TĂNG TRƯỞNG TRÊN 16%
- ★ LỢI NHUẬN VÀ LÃI NGHIỆP VỤ LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG BH PHI NHÂN THỌ NĂM 2013;
- ★ TRIỂN KHAI BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN TRÊN WEBSITE: WWW.PVIONLINE.COM.VN;
- ★ RA MẮT TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG (CONTACT CENTER) VÀ TRUNG TÂM BẢO LÃNH VIỆN PHÍ (TẠI HÀ NỘI VÀ TP.HỒ CHÍ MINH) NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG;
- ★ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 1.850 TỶ ĐỒNG.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE) - KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.

Ra mắt vào tháng 9/2011, PVI Re công ty con của Công ty cổ phần PVI (PVI), trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã nhanh chóng đi vào hoạt động với chiến lược trở thành công ty tái bảo hiểm chuyên nghiệp. Thừa hưởng những thành tựu của PVI, PVI Re đã tận dụng lợi thế này cho việc thiết kế sản phẩm, dịch vụ của mình và nhanh chóng được khách hàng tin tưởng và đón nhận. Một minh chứng cụ thể là chỉ sau 8 tháng đi vào hoạt động, PVI Re đã được **A.M.Best** xếp hạng năng lực tài chính (FSR) loại **B+ (Tốt)** và xếp hạng tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) loại **bbb-** (Đủ năng lực). Sự kiện này cũng chính thức đưa PVI Re trở thành công ty tái bảo hiểm đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam được xếp hạng năng lực tài chính quốc tế, đây chính là thuận lợi để PVI Re tiến gần hơn với thương hiệu công ty tái bảo hiểm uy tín.

Qua 3 năm chính thức đi vào hoạt động, PVI Re đã có những bước tăng trưởng vượt bậc với doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt hơn 1.000 tỷ năm 2012. Kết thúc năm 2013, PVI Re đạt **doanh thu 1.631 tỷ đồng**, tăng trưởng 30% so với năm 2012, **lợi nhuận trước thuế ước đạt 79 tỷ đồng**, tăng trưởng 153% so với năm 2012. Không những hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đặt ra, trong năm 2013, PVI Re đã hoàn tất phương án **tăng vốn từ 460 tỷ đồng lên 668 tỷ đồng**. PVI Re đã bảo vệ thành công xếp hạng Rating B+ của A.M. Best với triển vọng nâng hạng và được chấp thuận trong **Security List của Talanx**. Theo đó, PVI Re sẽ được ưu tiên tham gia các chương trình tái bảo hiểm lớn từ các nhà bảo hiểm, tái bảo hiểm hàng đầu thế giới, với phạm vi lãnh thổ mở rộng đến tất cả các châu lục.

Tháng 10/2013 công ty cũng đã được Bộ Tài chính cấp phép trở thành **Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI**. Theo kế hoạch dự kiến, PVI Re sẽ tiếp tục tăng vốn lên trên 825 tỷ đồng vào đầu năm 2014 và hoàn tất việc tăng vốn lên 1.100 tỷ đồng vào năm tiếp theo.

Năm 2013, bên cạnh thị trường trong nước, công ty tiếp tục đẩy mạnh khai thác nhận tái bảo hiểm từ nước

CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

ngoài như: Singapore, Hàn Quốc, Trung Đông, Ấn Độ, từng bước tìm kiếm và mở rộng các thị trường mới như Myanmar, Indonesia và Nam Phi...

Bên cạnh những kết quả kinh doanh đạt được thì đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và nâng cao, môi trường làm việc hiện đại, năng động và các hoạt động từ thiện và hoạt động xã hội khác cũng được cán bộ PVI Re tham gia rất tích cực. Trong năm 2013, PVI Re đã tổ chức cho 468 lượt cán bộ, chuyên viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ.

Năm 2014, với mô hình hoạt động mới, PVI Re tiếp tục cung cấp năng lực tái bảo hiểm với chất lượng dịch vụ cao để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của nhà nhượng tái bảo hiểm. Bên cạnh đó, PVI Re sẽ triển khai công tác Nâng hạng Mức Xếp hạng tín nhiệm lên B++.

PVI Re tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nhân sự. PVI Re luôn chú trọng đến việc tư vấn kỹ thuật, trao đổi nghiệp vụ với công ty bảo hiểm gốc nhằm đảm bảo an toàn trong công tác khai thác của các công ty bảo hiểm gốc, đây chính là điểm khác biệt của PVI Re trên thị trường tái bảo hiểm nhằm tạo lợi thế cạnh tranh. Không thụ động khi các công ty gốc đi khai thác xong mới gửi yêu cầu tới nhà tái bảo hiểm, PVI Re sẽ là những tư vấn chuyên nghiệp giúp công ty gốc có hướng khai thác hiệu quả trong bối cảnh khó khăn như hiện nay.

Với những nhân tố tích cực trên, cùng với việc duy trì xếp hạng tín nhiệm của A.M. Best, PVI Re đã, đang và sẽ tạo nên một đà tăng trưởng mạnh mẽ, chinh phục những mục tiêu lớn hơn trong tầm nhìn và khát vọng trở thành nhà tái bảo hiểm hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, có uy tín trong khu vực và quốc tế./.



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE (PVI SUN LIFE)

Ngày 24/01/2013 PVI Sun Life được Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo số 68/GP/KDBH, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. PVI Sun Life có trụ sở chính tại 20 - 22 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Việc PVI Sun Life chính thức đi vào hoạt động đã hoàn thiện trụ cột kinh doanh thứ ba của PVI là bảo hiểm nhân thọ. Định hướng chiến lược phát triển của PVI Sun Life là trở thành doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam, thông qua việc kết hợp thế mạnh của hai đối tác: uy tín, thương hiệu và hiểu biết thị trường nội địa của PVI và kinh nghiệm toàn cầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và quản trị rủi ro của Sun Life Financial. Sự kết hợp này sẽ mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối ưu nhất.

Sau 6 tháng chính thức hoạt động, PVI Sun Life đã nhanh chóng thiết lập một mạng lưới kinh doanh rộng khắp với hơn 3.400 đại lý trên toàn quốc, có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, 6 văn phòng bán hàng tại Hải Phòng, Vinh, Quảng Ngãi, Nha Trang, Bình Dương, Vũng Tàu, 16 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Ngoài hệ thống Tư vấn bảo hiểm, PVI Sun Life còn cung cấp sản phẩm tới khách hàng qua đội ngũ chuyên viên Hợp tác Phát triển Kinh doanh và Tư vấn tài chính chuyên nghiệp. Năm 2014, PVI Sun Life sẽ tiếp tục mở rộng các kênh phân phối để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của PVI Sun Life.

Sứ mệnh của PVI Sun Life là nhằm hỗ trợ khách hàng đạt được những mục tiêu về tài chính trong cuộc sống. PVI Sun Life đã giới thiệu với thị trường Việt Nam nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có sức cạnh tranh cao với tiêu chuẩn quốc tế. Các sản phẩm **Bảo An Toàn, Bảo An Bình, Bảo Nhân Trí, Bảo An Phú và Bảo An Phúc**

lần lượt ra đời để thiết lập những kế hoạch tài chính đa dạng, phù hợp với từng giai đoạn quan trọng trong cuộc sống của khách hàng. Những sản phẩm này đã góp phần mang về hơn **1.000 tỷ đồng doanh thu** trong năm 2013, đưa PVI Sun Life vào nhóm **3 doanh nghiệp có doanh thu phí khai thác mới cao nhất toàn thị trường**.

Trong năm 2014, PVI Sun Life đa dạng lĩnh vực kinh doanh của mình với **Hưu trí PVI Sun Life**. Khách hàng sẽ thực sự yên tâm khi tham gia hưu trí tự nguyện cùng PVI Sun Life vì Hưu trí PVI Sun Life luôn được quản lý một cách hiệu quả với sự am hiểu thị trường tài chính Việt Nam của PVI và 150 năm kinh nghiệm về quản lý quỹ hưu trí và tài chính toàn cầu của Tập đoàn Sun Life.

Với sự hỗ trợ tối đa từ PVI và Sun Life Financial, với những nỗ lực vượt bậc tạo dựng nền tảng cho hoạt động kinh doanh trong năm 2013, PVI Sun Life đã sẵn sàng để giành những kết quả tích cực về mọi mặt hoạt động trong năm 2014.



DANH SÁCH SẢN PHẨM ĐÃ ĐƯỢC TRIỂN KHAI CỦA PVI SUN LIFE TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2013

BẢO AN TOÀN

Bảo An Toàn đáp ứng nhu cầu được bảo vệ trước những tổn thất về tài chính khi gặp **rủi ro do tai nạn**. Sản phẩm vừa cung cấp nguồn tài chính cho những người thân yêu trong gia đình bạn khi rủi ro xảy ra. Nếu không có rủi ro xảy ra, Bảo An Toàn sẽ cung cấp quyền lợi đáo hạn bằng tổng phí bảo hiểm đã đóng.

BẢO AN BÌNH

Bảo An Bình bảo vệ về tài chính vững chắc cho bạn trong trường hợp tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

BẢO NHÂN TRÍ

Bảo Nhân Trí được thiết kế để giúp các bậc cha mẹ thực hiện kế hoạch tài chính cho các **mục tiêu giáo dục**. Giáo dục là tài sản lớn nhất mà cha mẹ có thể dành cho con cái. Mỗi hợp đồng Bảo Nhân Trí đều được xây dựng

từ nhu cầu giáo dục cụ thể mà bạn muốn dành cho con yêu. Bảo Nhân Trí sẽ đảm bảo kế hoạch giáo dục mà bạn chuẩn bị luôn được thực hiện ngay cả khi có chuyện rủi ro xảy ra với các bậc cha mẹ.

BẢO AN PHÚC

Bảo An Phúc là kế hoạch tài chính theo bạn trong suốt hành trình cuộc sống với những **mục tiêu dài hạn**. Với tính năng linh hoạt, Bảo An Phúc có thể được thiết kế và điều chỉnh theo từng nhu cầu thay đổi trong mỗi giai đoạn của cuộc đời. Bảo An Phúc sẽ cho bạn sự chủ động trong việc lập kế hoạch cho bản thân và gia đình thân yêu như bảo vệ gia đình bạn trước những rủi ro, hay chuẩn bị cho các mục tiêu tài chính cá nhân. Bảo An Phúc sẽ giúp bạn lập kế hoạch hiệu quả nhất và đi con đường ngắn nhất tới các mục tiêu trong suốt cuộc đời.

BẢO AN PHÚ

Bảo An Phú đưa ra những giải pháp, lựa chọn tiết kiệm đáp ứng các **mục tiêu tài chính đa dạng** đồng thời bảo vệ gia đình bạn trước các rủi ro trong cuộc sống. Với thời gian đóng phí chỉ trong 03 năm, tài chính của bạn được bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và không ngừng sinh lời trong suốt 10 năm. Cam kết ngắn hạn cho một kế hoạch dài hạn là thông điệp mà Bảo An Phú mang đến cho khách hàng.

BẢO AN TÂM

Bảo An Tâm khách hàng hoàn toàn có thể bảo vệ bản thân để luôn là điểm tựa vững chắc cho những người thân yêu. Chỉ đóng phí trong vòng 03 năm cho Bảo An Tâm nhưng tài chính của khách hàng được bảo vệ suốt 10 năm trước những rủi ro trong cuộc sống và không ngừng sinh lời. Với thời gian đóng phí ngắn, Bảo An Tâm phù hợp với mọi khách hàng, kể cả những người mới bắt đầu đi làm và có thu nhập.

BẢO THỊNH VƯỢNG

Bảo Thịnh Vượng là một giải pháp tiết kiệm hiệu quả mà PVI Sun Life đã và đang mang đến cho khách hàng, giúp khách hàng đạt được những kế hoạch, dự định trong mỗi giai đoạn trong cuộc sống và bảo vệ nguồn tài chính của gia đình trong suốt 15 năm dù chỉ đóng phí trong vòng 05 năm.



I. THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013 của PVI ngày 25/04/2013:

- Ông Ulrich Heinz Wollschläger được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT theo đề cử của cổ đông chiến lược Talanx

- Ông Tung Sing Lau được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT.

- Ông Oliver Massmann được bầu bổ sung làm thành viên Ban Kiểm soát PVI.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2013 đã khép lại với nhiều ghi nhận tích cực về chỉ số kinh tế vĩ mô, báo hiệu sự khởi đầu cho giai đoạn phục hồi của nền kinh tế Việt Nam; tuy nhiên vẫn còn đó nhiều yếu tố mang tính nền tảng chưa được giải quyết triệt để. Các vấn đề như nợ xấu ngân hàng, tồn kho bất động sản, tình trạng tắc nghẽn tín dụng, sức mua thấp... tiếp tục gây ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực đến cộng đồng doanh nghiệp, khiến cho hơn 60.000 doanh nghiệp phải giải thể, phá sản trong năm qua.

Trong bối cảnh đó, PVI được xem như một điểm sáng trong cộng đồng doanh nghiệp khi tiếp tục phát triển bền vững và đạt kết quả hết sức ấn tượng, vượt hầu hết các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2013, HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ PVI, đồng thời phối hợp tích cực với Ban kiểm soát tăng cường cơ chế quản trị rủi

ro cho hoạt động của PVI, cụ thể như sau:

1. HĐQT đã tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013 và 4 phiên họp HĐQT định kỳ trong năm. HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết để thực hiện việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành.

2. Chỉ đạo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013 với tốc độ tăng trưởng cao ở mọi lĩnh vực, đặc biệt trong hoàn cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường bảo hiểm gặp nhiều khó khăn. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) tiếp tục dẫn đầu thị trường bảo hiểm công nghiệp Việt Nam và lần đầu tiên vượt mức doanh thu bán lẻ 1.800 tỉ đồng, tăng trưởng trên 16% trong khi toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ VN chỉ tăng trưởng khoảng 7%. Tổng công ty cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re) thực hiện thành công cổ phần hóa, chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013. Với việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tái bảo hiểm, PVI Re được lựa chọn vào Danh sách các nhà nhận tái bảo hiểm đạt chuẩn (Security List) của Talanx Group – Tập đoàn Bảo hiểm – Tài chính toàn cầu có trụ sở tại CHLB Đức và là Nhà Tái bảo hiểm khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của AON Belfied. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life ngay sau khi được cấp phép vào tháng 1/2013 đã triển khai hoạt động một cách hiệu quả và đạt kết quả kinh doanh tích cực, tổng doanh thu đạt hơn 1.000 tỷ đồng, đứng thứ 3 thị trường về doanh thu khai thác mới.

3. Chỉ đạo tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp theo phương án đã được ĐHĐCĐ PVI thông qua. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life đã được cấp Giấy

phép thành lập và hoạt động vào tháng 1/2013, Công ty Quản lý Quỹ PVI đang triển khai các thủ tục để thành lập trong thời gian tới.

4. Chỉ đạo các đơn vị bảo hiểm PVI Insurance và PVI Re bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế B+ (Tốt) của A.M Best, đồng thời triển vọng nâng hạng (trong vòng 12 – 36 tháng tiếp theo) được điều chỉnh từ “Ổn định” lên “Tích cực”.

HĐQT cũng đã chỉ đạo tăng vốn Điều lệ cho PVI Insurance lên 1.850 tỷ đồng nhằm nâng cao khả năng giữ lại và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Chỉ đạo hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với việc thành lập và ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm. Đồng thời, HĐQT đã phê duyệt bổ sung Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro và Ủy ban Chiến lược & Phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban. Trong năm 2013, Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro đã xây dựng “Bảng chỉ tiêu đánh giá hoạt động của các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm”; Ủy ban Chiến lược và Phát triển đã xây dựng “Chiến lược phát triển PVI giai đoạn 2013-2018”.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) PVI do ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 25/04/2013 bầu ra, gồm 5 thành viên: 1 thành viên chuyên trách làm Trưởng ban và 4 thành viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Hàng quý, BKS tổ chức họp định kỳ giữa các thành viên với các nội dung: Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước, Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện HĐQT, đại diện Ban điều hành và các cán bộ có liên quan; Thống nhất những ý kiến đánh giá kiến nghị với PVI và xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS. BKS thường xuyên tiến hành giám sát hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc thực hành nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ; Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo của HĐQT.

- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.

- Kiểm tra việc thực hiện các Quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con.

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm; Thẩm định báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ

tiêu tài chính hàng quý trong năm 2013.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

IV. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2013, HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI. Bên cạnh đó, HĐQT cũng phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty.

Ban TGD đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban TGD. Ban TGD và các Ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát. Bên cạnh việc tăng cường kiểm tra định kỳ, Ban Kiểm soát vẫn duy trì sự độc lập trong mọi hoạt động của mình, nâng cao chất lượng công việc.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA PVI

Năm 2013, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, PVI đã thực sự gặt hái được nhiều thành công. Với chiến lược phát triển dựa trên sự khác biệt, dựa trên thế mạnh của các đối tác chiến lược hàng đầu trong nước và quốc tế, dựa trên nền tảng hợp tác tin cậy lẫn nhau, PVI sẽ luôn đảm bảo lợi ích bền vững và hiệu quả đầu tư cao nhất cho các cổ đông. Với những thành công rực rỡ thời gian qua, trong năm 2013, PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng III.

Kết quả hết sức đáng tự hào trong năm 2013 này đã khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn của PVI, khẳng định sự thành công của quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, khẳng định tầm nhìn và tính sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo, niềm tin và khát vọng của cán bộ nhân viên PVI.

Năm 2014, PVI sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao công tác quản trị rủi ro cho toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của PVI là minh bạch, an toàn, hiệu quả. Theo đó, PVI sẽ tập trung xây dựng Chiến lược công nghệ thông tin, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Chiến lược phát triển thị trường và Chiến lược thương hiệu cho toàn bộ hệ thống. Bên cạnh đó, PVI sẽ hoàn thiện trụ cột kinh doanh lõi cuối cùng của mình với việc đẩy nhanh việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ.



QUẢN TRỊ RỦI RO CHIẾN LƯỢC TẠI PVI

Quản trị rủi ro chiến lược đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của công ty. Đưa các bước quản lý rủi ro vào quy trình ban hành và thực hiện quyết định chiến lược sẽ giúp doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh quyết định. Ý thức được điều này, PVI đã chú trọng xây dựng và áp dụng các biện pháp hiện đại để quản trị rủi ro chiến lược.

Chiến lược được đưa ra dựa trên một số các giả định. Mọi yếu tố của kế hoạch chiến lược có thể bị ảnh hưởng bởi những điều bất thường có thể xảy ra theo các mức độ khác nhau. Rủi ro chiến lược chính là những điều chưa chắc chắn và cơ hội chưa được khai thác trong kế hoạch chiến lược của công ty và Quản lý rủi ro chiến lược là phản ứng của công ty đối với những điều bất thường

và xem xét nắm giữ cơ hội khi phát sinh. Như vậy, đây là những vấn đề quan trọng đối với Hội đồng quản trị và tác động đến toàn bộ doanh nghiệp. Quản lý rủi ro chiến lược đòi hỏi một sự hiểu biết rõ ràng về chiến lược công ty, những rủi ro xuất phát từ bên trong hoặc bên ngoài công ty. Các sự cố thường xảy ra bất ngờ và trở thành trở ngại gây khó khăn trong việc thực hiện chiến lược đã đề ra. Để quản lý rủi ro chiến lược, công ty phải giảm sự không chắc chắn bằng cách xác định rủi ro chiến lược tiềm năng và am hiểu rõ về những rủi ro này. Một khi chúng được nắm rõ, công ty có thể phát triển hiệu quả, tích hợp, giảm thiểu rủi ro chiến lược.

Quản lý rủi ro chiến lược không gây khó khăn cho công việc kinh doanh mà trái lại, quản lý rủi ro chiến lược hỗ



trợ và hoàn thiện công tác quản lý chiến lược giúp tối ưu hóa hiệu quả thực hiện từ chiến lược đã đề ra. Hội đồng quản trị PVI đã tăng cường sự quan tâm tới rủi ro chiến lược bằng cách tích hợp quản lý rủi ro trong quá trình xây dựng, ra quyết định và giám sát việc thực hiện chiến lược đã đề ra. PVI đã thành lập, hoàn thiện hai ủy ban là Ủy ban Chiến lược và phát triển và Ủy ban Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị.

Theo đó, PVI đang xây dựng và hoàn thiện mô hình lập kế hoạch chiến lược và kế hoạch phát triển bằng cách mô hình hóa những đánh giá tác động từ sự thay đổi của những yếu tố chính (tăng trưởng GDP, lãi suất tiền gửi, tăng trưởng thị trường bảo hiểm, mức

tổn thất chung toàn thị trường bảo hiểm, tăng trưởng doanh thu PVI, tỷ lệ kết hợp, tăng trưởng thị phần của PVI...). Những đánh giá này được thực hiện trên 3 tình huống giả định (tình huống bình thường, tình huống xấu nhất và tình huống tốt nhất) giúp cho kế hoạch chiến lược và kế hoạch phát triển của PVI đáp ứng và hạn chế được những rủi ro phát sinh trong thực tế thực hiện chiến lược cũng như nắm bắt cơ hội khi phát sinh.

SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT NĂM 2013



Ngày 24/01/2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68/GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life). Như vậy PVI đã trở thành Doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam có các đơn vị thành viên hoạt động trên cả 3 lĩnh vực: Nhân thọ - Phi nhân thọ - Tái bảo hiểm. Tiếp theo đó, ngày 27/7/2013, PVI Sun Life đã tổ chức “Công bố hoạt động và triển khai sản phẩm Bảo hiểm Nhân thọ”.

Sau hơn 3 năm thi công với những nỗ lực và quyết tâm cao nhất, ngày 10/01/2014 - Công ty cổ phần PVI đã long trọng tổ chức Lễ khánh thành Tòa nhà PVI tại 168 Trần Thái Tông, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới của PVI tương xứng với tầm vóc của một định chế Bảo hiểm – Tài chính hàng đầu Việt Nam.



A.M. Best nâng hạng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của Tổng công ty Bảo hiểm PVI và Công ty Tái bảo hiểm PVI

Ngày 11/4/2013 – A.M Best nâng hạng triển vọng xếp hạng tín nhiệm từ mức “Ổn định” lên mức “Tích cực”, đồng thời tái khẳng định xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành “bbb-” (Đủ năng lực) cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI (Bảo hiểm PVI) và Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re).

Ngày 10/01/2014 - Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings) tổ chức Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) và Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina. Trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi bên trong từng lĩnh vực kinh doanh, Thỏa thuận hợp tác được ký kết sẽ góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động, đáp ứng chiến lược phát triển của PVI.



Ngày 31/07/2013, Tổng Công ty Bảo hiểm PVI đã tổ chức Lễ ra mắt kênh bán bảo hiểm trực tuyến qua địa chỉ <http://pvionline.com.vn>. Việc triển khai kênh bán bảo hiểm trực tuyến khẳng định chiến lược nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và đa dạng hóa kênh phân phối nhằm mang lại ngày càng nhiều hơn giá trị và sự tiện lợi cho khách hàng.

Ngày 15/01/2014 Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings - PVI) vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc Lập Hạng Ba. 18 năm trưởng thành và phát triển PVI - tiền thân là Tổng công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam - giờ đã trở thành một định chế Bảo hiểm - Tài chính hàng đầu Việt Nam. Lễ đón nhận Huân Chương được tổ chức long trọng tại PVI Tower (trụ sở mới của PVI) - 168 Trần Thái Tông, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.





VỚI NHỮNG GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ VÀ CHIẾN LƯỢC ĐÚNG ĐẮN, PVI ĐÃ CÓ ĐƯỢC KẾT QUẢ KINH DOANH VƯỢT TRỘI - HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC TẤT CẢ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013. ĐÂY LÀ NĂM ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ 18 NĂM, PVI ĐÃ ĐẠT MỐC DOANH THU HỢP NHẤT TRÊN 8.000 TỶ ĐỒNG. SAU THÀNH CÔNG CỦA QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP, PVI ĐÃ TRỞ THÀNH HÌNH MẪU CHO NHIỀU DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC TRONG VIỆC HUY ĐỘNG VỐN NGOÀI NƯỚC ĐỂ HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH MỘT ĐỊNH CHẾ BẢO HIỂM - TÀI CHÍNH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT:

- * Tổng doanh thu năm 2013 của toàn PVI đạt **8.074 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng 26% so với năm 2012. Trong đó:
 - Doanh thu hoạt động bảo hiểm đạt **7.338 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng 31% so với năm 2012.
 - Doanh thu hoạt động tài chính: **734 TỶ ĐỒNG**.
- * Lợi nhuận trước thuế đạt: **538 TỶ ĐỒNG**.
- * Lợi nhuận sau thuế đạt: **355 TỶ ĐỒNG**.
- * Nộp ngân sách nhà nước **570 TỶ ĐỒNG**.
- * Vốn chủ sở hữu đạt 6.175 tỷ đồng.
- * Tổng tài sản đạt 12.399 tỷ đồng.
- * **DOANH THU KHỐI BÁN LẺ** của Tổng công ty Bảo hiểm PVI tăng trưởng hơn 16%, lần đầu tiên vượt mốc hơn **1.800 TỶ ĐỒNG**.
- * PVI Sun Life **ĐẠT DOANH THU PHÍ KHAI THÁC MỚI** ấn tượng là **1.024 TỶ ĐỒNG, ĐỨNG THỨ 3** trên thị trường về doanh thu phí khai thác mới.
- * Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI RE) **ĐẠT DOANH THU 1.631 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng 30% so với năm 2012.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ:

- * Tổng doanh thu đạt: **632 TỶ ĐỒNG**.
- * Lợi nhuận trước thuế đạt: **281 TỶ ĐỒNG**.
- * Lợi nhuận sau thuế đạt: **281 TỶ ĐỒNG**.
- * **TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC DỰ KIẾN LÀ 10%** (cao hơn kế hoạch đã cam kết với đại hội đồng cổ đông là 9%)



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT CỦA PVI LÀ:

PVI NỖ LỰC PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM - TÀI CHÍNH CÓ THƯƠNG HIỆU QUỐC TẾ UY TÍN, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU VÀ DUY TRÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

PVI CAM KẾT CUNG CẤP SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT CHO KHÁCH HÀNG, ĐEM LẠI HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CAO NHẤT CHO CÁC CỔ ĐÔNG, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐÓNG GÓP NGÀY Càng NHIỀU CHO XÃ HỘI. PVI HOẠT ĐỘNG TRÊN NGUYÊN TẮC MINH BẠCH - AN TOÀN - HIỆU QUẢ.

- Tiếp tục hoàn chỉnh và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro.
- Đưa Công ty Quản lý Quỹ PVI đi vào hoạt động, hoàn thiện mô hình hoạt động của PVI theo định hướng chiến lược.
- Duy trì và nâng hạng tín nhiệm quốc tế ở mức B+ cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI và B++ cho Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI.
- Tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ cho Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life để nâng cao năng lực tài chính, góp phần tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm của toàn hệ thống.
- Nghiên cứu phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo hiểm PVI nhằm đa dạng hóa nguồn vốn, tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu cho toàn bộ hệ thống PVI và các đơn vị thành viên thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm và xây dựng chiến lược marketing đồng bộ trong toàn hệ thống.
- Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn hệ thống.
 - Tăng cường công tác rà soát, đánh giá chất lượng cán bộ nhằm đảm

bảo việc sắp xếp nhân sự đúng người, đúng việc;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, nhiệt huyết, tinh nhuệ đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của hệ thống;
- Tăng cường hợp tác đào tạo nhân sự với đối tác chiến lược nước ngoài.
- Nâng cao hệ thống hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin:
 - Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin cho lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm;
 - Tăng cường triển khai hợp tác với đối tác chiến lược Talanx và Sun Life Financial nhằm trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ tiên tiến hỗ trợ tối đa cho công tác khai thác bảo hiểm và quản trị theo mô hình quốc tế.
- Hỗ trợ kịp thời các Công ty con trong việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới, phát triển sản phẩm trên cả ba lĩnh vực: phi nhân thọ, nhân thọ và tái bảo hiểm.



Xác định yếu tố Con người là một trong ba giá trị cốt lõi, PVI luôn chú trọng phát triển tài sản quý giá nhất của mình - nguồn nhân lực. Năm 2013, Công đoàn PVI và người lao động đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty Mẹ và các Công ty con lên đến hơn 1.700 người. Có thể nói, đời sống của người lao động PVI ngày càng được nâng cao. Năm 2013 mức thu nhập bình quân trong toàn hệ thống PVI là 17,8 triệu đồng/người/tháng. Cùng với Ban Lãnh đạo, Công đoàn các cấp đã phát huy tốt vai trò trong việc tham mưu, thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người lao động, góp phần tạo việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước, duy trì mua bảo hiểm con người cho toàn bộ cán bộ nhân viên với mức trách nhiệm cao (PVI Care) từ nguồn quỹ phúc lợi.

Bên cạnh đó, PVI cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động như: thăm hỏi, động viên người lao động khi ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, tặng quà nhân các ngày kỷ niệm 8/3, 20/10, 27/7, 22/12, tổ chức vui chơi, tặng quà, trao thưởng

cho các học sinh giỏi con cháu cán bộ nhân viên PVI nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu...

Điều kiện làm việc của người lao động PVI cũng được đặc biệt quan tâm, chú trọng. Trụ sở của PVI và các đơn vị luôn được nâng cấp, sửa chữa, bảo trì nhằm đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất làm việc theo tiêu chuẩn quy định. Tháng 12/2013 Tòa nhà PVI đã chính thức khánh thành và đi vào hoạt động. Theo đó, trụ sở chính của PVI đã được chuyển về PVI Tower, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội thay thế cho Trụ sở cũ tại 154 Nguyễn Thái Học. Với những trang thiết bị hiện đại nhất của các thương hiệu hàng đầu trên thế giới và thiết kế thân thiện với môi trường, cùng với việc bố trí không gian xanh, Tòa nhà PVI đem đến cho cán bộ nhân viên PVI những điều kiện làm việc tốt nhất, hiện đại và đẳng cấp nhất.

Bên cạnh việc đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cho người lao động, Công đoàn PVI cũng rất chú trọng chăm lo đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ nhân viên PVI. Năm 2013, Công đoàn đã tạo dấu mốc quan trọng trong việc phối hợp tổ chức thành công " Ngày hội Văn hóa thể thao PVI" tại ba khu vực: Miền Bắc - Miền Trung - Miền Nam.

Vòng Chung kết diễn ra tại Hà Nội với sự tham dự của hơn 1.000 vận động viên tham gia thi đấu: kéo co, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, tennis và hội diễn văn nghệ. Ngày hội Văn hóa thể thao PVI đã mang đến những giờ phút thi đấu gay cấn nhưng đẹp mắt và đầy cố gắng, những tiết mục văn nghệ ấn tượng và đặc sắc, tất cả đã tạo nên tinh thần giao hữu, đoàn kết giữa các đơn vị. Cũng trong năm 2013, Đoàn thanh niên PVI đã tổ chức thành công " Hội trại tuổi trẻ PVI" với chủ đề Sáng mãi ngọn lửa niềm tin. Những hoạt động này đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng mỗi cán bộ nhân viên PVI, góp phần vào xây dựng văn hóa PVI, nêu cao tinh thần đoàn kết và thúc đẩy hoạt động kinh doanh của mỗi đơn vị.

Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp đã có từ nhiều năm qua, PVI không ngừng đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội. Tập thể cán bộ nhân viên PVI với tinh thần và tự giác cao đã tham gia tích cực hưởng ứng các phong trào đến ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ các Quỹ an sinh như Quỹ Tương trợ Dầu khí, Quỹ Vì thế hệ trẻ, Quỹ Nghĩa tình đồng đội, Quỹ An ngư Việt... xây Nhà tình nghĩa, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và nhiều hoạt động đoàn thể, xã hội khác. Tổng số tiền và hiện vật mà tập thể CBNV PVI đóng góp cho hoạt động an sinh xã hội trong năm 2013 là hơn 16 tỷ đồng.

Các tổ chức đoàn thể của PVI đã phát huy sức mạnh và vai trò, phối hợp với Ban Lãnh đạo PVI và toàn thể CBNV PVI xây dựng một tập thể vững mạnh, đoàn kết. Năm 2014, Công đoàn PVI sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình để đóng góp vào sự phát triển chung của PVI.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI CỦA PVI PHÁT ĐỘNG VÀ THAM GIA:

- Ngày hội Hiến máu Nhân đạo PVI năm 2013.
- PVI trao tặng 2.200 suất quà Tết Quý Tỵ 2013 trị giá 1,1 tỷ đồng cho người nghèo tỉnh Quảng Ngãi.
- Hỗ trợ người dân bị lũ lụt tại tỉnh Quảng Ngãi với số tiền hơn 530 triệu đồng.
- Trao tặng 30 suất bảo hiểm cho ngư dân với giá trị bảo hiểm là 300 triệu đồng/đơn bảo hiểm.
- Trao tặng 30 suất Bảo hiểm An Ngư Việt cho ngư dân tại các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Đà Nẵng với tổng số tiền bảo hiểm là 9 tỷ đồng.
- Ủng hộ Quỹ Tấm lòng vàng với số tiền 700 triệu đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

- 43 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 45 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 46 Bảng cân đối kế toán
- 48 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 49 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 50 Thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 73 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 75 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 78 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 79 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Tôn Thiện Việt
Ông Bùi Vạn Thuận
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn
Ông Thanh Danh François Dương
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan
Ông Ulrich Heinz Wollschläger
Ông Tung Shing Lau

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Bùi Vạn Thuận
Ông Phạm Khắc Dũng
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Ông Vũ Văn Thắng
Ông Nguyễn Ngọc Minh
Ông Trương Quốc Lâm
Ông Phạm Anh Đức
Ông Trần Văn Quý

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2013)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 532/VN1A-HN-BC

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2014, từ trang 46 đến trang 71, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

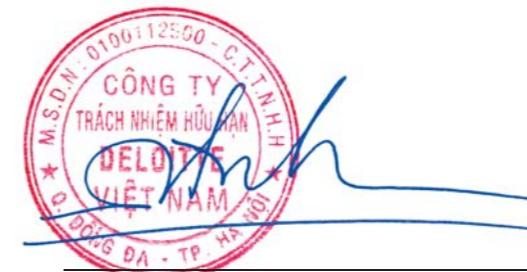
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được dụng áp và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 02 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.587.397.882.374	3.865.084.728.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	257.368.437.285	139.416.874.186
1. Tiền	111		17.368.437.285	24.416.874.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		240.000.000.000	115.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.895.002.286.455	3.231.830.007.058
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.022.378.523.951	3.312.403.269.249
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(127.376.237.496)	(80.573.262.191)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.816.866.022	403.605.486.219
1. Phải thu khách hàng	131	7	258.932.322.756	303.573.591.138
2. Trả trước cho người bán	132	8	136.888.687.373	68.305.378.240
3. Các khoản phải thu khác	135	9	119.129.989.655	99.973.501.663
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(88.134.133.762)	(68.246.984.822)
IV. Hàng tồn kho	140		2.169.620.000	1.876.620.000
1. Hàng tồn kho	141		2.169.620.000	1.876.620.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.040.672.612	88.355.740.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		998.054.746	768.122.086
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.556.041.030	87.025.045.529
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.486.576.836	562.573.278
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		4.407.018.594.065	3.806.776.279.013
I. Tài sản cố định	220		1.181.503.542.200	954.333.241.905
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.121.478.673	17.915.833.548
Nguyên giá	222		42.532.046.503	45.748.182.849
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.410.567.830)	(27.832.349.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.756.914.468	4.529.767.427
Nguyên giá	228		20.527.112.000	19.645.112.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.770.197.532)	(15.115.344.573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.164.625.149.059	931.887.640.930
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.139.513.969.675	2.740.363.630.573
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.871.000.000.000	2.160.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	240.721.893.200	396.528.754.965
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	250.360.970.155	326.394.840.680
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(222.568.893.680)	(142.559.965.072)
III. Tài sản dài hạn khác	260		86.001.082.190	112.079.406.535
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	85.741.443.790	112.074.406.535
2. Tài sản dài hạn khác	268		259.638.400	5.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.994.416.476.439	7.671.861.007.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		950.481.455.386	1.671.968.998.055
I. Nợ ngắn hạn	310		402.906.681.172	1.171.711.917.180
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	70.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		11.476.561.065	106.232.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	3.787.485.554	6.418.054.834
4. Phải trả người lao động	315		2.523.880.276	6.166.399.230
5. Chi phí phải trả	316		22.075.890.014	9.942.883.407
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	279.577.404.467	1.144.553.941.721
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.465.459.796	4.524.405.128
II. Nợ dài hạn	330		547.574.774.214	500.257.080.875
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.132.555.262	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	538.185.996.452	500.000.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		256.222.500	257.080.875
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		6.043.935.021.053	5.999.892.009.314
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	6.043.935.021.053	5.999.892.009.314
1. Vốn điều lệ	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	414		(157.228.060.975)	(138.219.350.615)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		356.470.077.233	293.418.355.134
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.994.416.476.439	7.671.861.007.369

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.496,33	12.479,29
Euro	EUR	374,32	385,24

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.624.894.747	69.805.794.621
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		15.624.894.747	69.805.794.621
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		7.643.600.000	63.479.789.607
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.981.294.747	6.326.005.014
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	616.171.517.208	739.874.853.219
6. Chi phí tài chính	22	25	194.369.045.497	201.193.570.849
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		148.496.383.539	148.059.095.858
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		281.287.382.919	396.948.191.526
9. Thu nhập khác	31		37.000.100	32.453.109
10. Chi phí khác	32		706.783.012	-
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(669.782.912)	32.453.109
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		280.617.600.007	396.980.644.635
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	20.760.341.775
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		280.617.600.007	376.220.302.860

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			Trình bày lại
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16.311.265.501	11.855.936.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(126.444.531.399)	(198.167.191.788)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.099.669.994)	(47.251.107.505)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(50.144.444.444)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(13.001.703.607)	(27.304.994.767)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	310.459.188.240	306.175.184.127
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.062.740.820.311)	(301.162.552.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(960.660.716.014)	(255.854.726.509)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(222.654.104.771)	(508.892.479.857)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.450.069.895.160)	(3.766.279.231.737)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.802.974.494.784	3.082.979.007.748
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(741.251.000.000)	(37.786.507.505)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	76.840.741.208	55.184.089.604
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	648.319.366.960	742.536.828.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.114.159.603.021	(432.258.292.914)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	560.796.320.725
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(19.008.710.360)	(13.896.923.265)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.185.996.452	500.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.000.000.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(124.724.610.000)	(307.764.378.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.547.323.908)	739.135.019.460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	117.951.563.099	51.022.000.037
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	139.416.874.186	88.394.874.149
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	257.368.437.285	139.416.874.186

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là PVI.

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 107)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết) và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên tắc trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tài ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc chênh lệch tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được đánh giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản cho phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thương mại điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	965.131.299	173.708.496
Tiền gửi ngân hàng	16.403.305.986	24.243.165.690
Các khoản tương đương tiền (i)	240.000.000.000	115.000.000.000
	257.368.437.285	139.416.874.186

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời hạn đáo hạn trong vòng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	181.193.110.433	243.445.934.805
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	63.334.494.426
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	520.000.000.000	1.472.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	492.372.089.700	547.372.089.700
Hợp đồng đầu tư chứng khoán niêm yết (iii)	23.813.323.818	142.165.750.318
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (iv)	695.000.000.000	844.085.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (v)	110.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(127.376.237.496)	(80.573.262.191)
	1.895.002.286.455	3.231.830.007.058

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(ii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.

(iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá trị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước thời hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản đầu tư có dấu hiệu suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(v) Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 15, khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm:

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam có giá trị 30 tỷ đồng đã được thông qua chủ trương chuyển nhượng trong thời gian tới. Các khoản đầu tư này được phân loại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam-SSG (PV-SSG) có giá trị 30 tỷ đồng đã được Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng cho đối tác ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đang làm các thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu. Khoản đầu tư này được phân loại từ khoản đầu tư dài hạn khác từ ngày 31 tháng 12 năm 2012.

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú với giá trị 50 tỷ đồng đáo hạn vào ngày 30 tháng 11 năm 2014, được phân loại từ khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng	258.932.322.756	303.573.591.138
Phải thu về hoạt động tài chính	218.993.274.494	300.898.991.596
Các khoản phải thu khác của khách hàng	39.939.048.262	2.674.599.542
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(88.134.133.762)	(68.246.984.822)
Dự phòng phải thu lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	(39.877.039.901)
Dự phòng phải thu lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	(48.257.093.861)	(28.369.944.921)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước theo hợp đồng mua bán căn hộ	96.191.095.147	63.209.770.122
- Dự án Olalani (Đà Nẵng)	96.191.095.147	63.209.770.122
Trả trước khác	40.697.592.226	5.095.608.118
	136.888.687.373	68.305.378.240

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	-	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (i)	47.321.768.568	43.019.789.607
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	64.065.763.991	-
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	337.608.000	-
Khác	7.404.849.096	5.953.712.056
	119.129.989.655	99.973.501.663

(i) Phải thu từ Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2011/PVI-PVH ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng số PL01-01/2011/PVI-PVH ngày 22 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	19.825.224.463	10.150.410.951	15.772.547.435	45.748.182.849
Tăng trong năm	-	480.000.000	1.811.640.727	2.291.640.727
Điều chuyển cho công ty con	-	-	1.326.541.325	1.326.541.325
Giảm khác trong năm (i)	-	77.970.567	4.103.265.181	4.181.235.748
Tại ngày 31/12/2013	19.825.224.463	10.552.440.384	12.154.381.656	42.532.046.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	10.071.208.037	5.235.898.459	12.525.242.805	27.832.349.301
Trích khấu hao	871.668.961	1.625.392.092	1.897.105.419	4.394.166.472
Điều chuyển cho công ty con	-	-	1.191.096.230	1.191.096.230
Giảm khác trong năm (i)	-	51.200.000	3.573.651.713	3.624.851.713
Tại ngày 31/12/2013	10.942.876.998	6.810.090.551	9.657.600.281	27.410.567.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	8.882.347.465	3.742.349.833	2.496.781.375	15.121.478.673
Tại ngày 31/12/2012	9.754.016.426	4.914.512.492	3.247.304.630	17.915.833.548

(i) Xử lý giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.088.036.758 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.112.112.000 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	19.645.112.000
Tăng trong năm	882.000.000
Tại ngày 31/12/2013	20.527.112.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	15.115.344.573
Trích khấu hao	3.654.852.959
Tại ngày 31/12/2013	18.770.197.532
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	1.756.914.468
Tại ngày 31/12/2012	4.529.767.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (i)	1.164.281.365.059	930.681.882.930
Khác	343.784.000	1.205.758.000
	1.164.625.149.059	931.887.640.930

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Chi phí lãi vay trong năm được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 63.317.451.051 đồng (năm 2012: 26.033.333.334 đồng).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.850.000.000.000	1.700.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	460.000.000.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	561.000.000.000	-
	2.871.000.000.000	2.160.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	TP. Hồ Chí Minh	51	51	Bảo hiểm nhân thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (i)	-	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (ii)	-	78.894.557.965
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (iii)	-	30.000.000.000
	240.721.893.200	396.528.754.965

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	36,4	36,4	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	Tp. Hà Nội, Việt Nam	25,5	25,5	Kinh doanh bất động sản

- (i) Ngày 17 tháng 8 năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 21/NQ-PVI trong đó thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới. Hiện tại, các thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới đã hoàn tất, Công ty đã được nhận lại tổng vốn đầu tư vào công ty này với số tiền là 39.581.761.208 đồng.
- (ii) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt.
- (iii) Ngày 30 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 11/NQ-PVI trong đó thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam cho Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc chuyển nhượng nêu trên, theo đó toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam được phân loại sang đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6).

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ phiếu	80.253.609.354	80.002.609.354
Trái phiếu (i)	-	50.000.000.000
Ủy thác đầu tư (ii)	170.107.360.801	196.392.231.326
	250.360.970.155	326.394.840.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú với lãi suất danh nghĩa từ 17,5% đến 17,9%/năm. Khoản trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 11 năm 2014 nên được phân loại sang đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6).
- (ii) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 209.984.400.702 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 170.107.360.801 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày trong tại Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác và tin tưởng rằng đối tác sẽ thực hiện được cam kết trả nợ của mình.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(45.943.537.492)	(16.777.442.899)
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(170.107.360.801)	(120.000.000.000)
Khác	(6.517.995.387)	(5.782.522.173)
	(222.568.893.680)	(142.559.965.072)

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Từ ngày 01/01	112.074.406.535	(134.327.930.737)
Tăng	3.031.360.429	6.192.169.789
Phân bổ vào chi phí trong năm	(29.364.323.174)	(28.445.693.991)
Tại ngày 31/12	85.741.443.790	112.074.406.535

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên (Trình bày tại Thuyết minh số 21 - Vay và trả nợ dài hạn)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2012	Phát sinh trong năm		31/12/2013
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	799.798.138	3.989.110.960	4.156.697.053	632.212.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.194.998.302	2.295.579.062	4.599.466.542	1.891.110.822
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	1.423.258.394	4.083.444.305	4.242.540.012	1.264.162.687
	6.418.054.834	10.371.134.327	13.001.703.607	3.787.485.554

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.841.560.568	1.095.807.489.680
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	-	939.881.327
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	40.197.208.333	38.399.229.371
Cổ tức phải trả (ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	114.484.021.600	-
Phải trả khác	11.054.613.966	9.407.341.343
	279.577.404.467	1.144.553.941.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	502.397.110.500	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (ii)	35.788.885.952	-
	538.185.996.452	500.000.000.000

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam bao gồm 2 khoản:

- Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 21 tháng 02 năm 2014 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 14,2%/năm., sau đó được điều chỉnh hàng quý, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công cộng biên độ 3,5%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 12).
 - Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 28 tháng 6 năm 2015 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 10,5%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,5%/năm. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 12).
- (ii) Ngày 10 tháng 9 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay tín dụng trung - dài hạn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ (SeaBank Láng Hạ). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 70 tỷ đồng, thời gian vay là 5 năm với mục đích để hoàn thiện nội thất gắn liền với tòa nhà PVI Tower. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 02/2013TG/SeabankHO-PVI ký ngày 20 tháng 6 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động của Hợp đồng tiền gửi bảo đảm cộng với biên độ 1,6%/năm, lãi vay được trả định kỳ 6 tháng/lần. Nợ gốc của khoản vay được trả theo cam kết trong từng Khế ước nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền đã được giải ngân là 35.788.885.952 đồng.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	70.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	156.849.277.626	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	381.336.718.826	375.000.000.000
	608.185.996.452	500.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 18)	70.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	538.185.996.452	500.000.000.000

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	179.211.820.775	238.227.338.898	5.397.258.374.664
Vốn góp	212.947.150.000	347.849.170.725	-	-	-	560.796.320.725
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(13.896.923.265)	-	-	(13.896.923.265)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	376.220.302.860	376.220.302.860
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(307.764.378.000)	(307.764.378.000)
Điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	6.735.061.376	6.735.061.376
Chi khác	-	(630.000.000)	-	-	-	(630.000.000)
Tặng khác	-	1.071.565.097	-	-	30.000	1.173.250.954
Tại ngày 01/01/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	179.211.820.775	293.418.355.134	5.999.892.009.314
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ (i)	-	-	(19.008.710.360)	-	-	(19.008.710.360)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	280.617.600.007	280.617.600.007
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(29.861.384.229)	(29.861.384.229)
Cổ tức phải trả (iii)	-	-	-	-	(181.003.813.600)	(181.003.813.600)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành (iv)	-	-	-	-	(3.762.203.029)	(3.762.203.029)
Giảm khác (v)	-	-	-	-	(2.938.477.050)	(2.938.477.050)
Tại ngày 31/12/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	356.470.077.233	6.043.935.021.053

(i) Trong năm, Công ty đã mua lại 1.056.800 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.

(ii) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi phần còn lại của năm 2012 và tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch năm 2013 đã được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

(iii) Cổ tức năm 2012 còn phải trả (8% lợi nhuận sau thuế) sau khi đã tạm ứng 7% lợi nhuận sau thuế trong năm 2012. Mức cổ tức của năm 2012 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

(iv) Phần cổ tức còn phải trả năm 2012 được Công ty theo dõi là "Cúc khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(v) Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua việc trích quỹ thưởng Ban điều hành năm 2012 là 1% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/2013.NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

(vi) Giảm khác là thuế phải nộp bổ sung theo biên bản quyết toán thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ:

	Vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ %	Vốn góp tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50%	831.497.400.000	35,50%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	745.315.030.000	31,82%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58%	271.178.410.000	11,58%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,22%	145.932.430.000	6,22%
Cổ đông khác	348.494.860.000	14,88%	348.495.400.000	14,88%
	2.342.418.670.000	100%	2.342.418.670.000	100%

Cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.827.700	7.770.900
Cổ phiếu phổ thông	8.827.700	7.770.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.414.167	226.470.967
Cổ phiếu phổ thông	225.414.167	226.470.967

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.869.594.677	9.784.951.495
Chi phí nhân công	40.384.267.924	35.963.014.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.049.019.431	10.196.160.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.981.849.754	81.493.601.772
Chi phí khác	71.855.251.753	74.101.157.223
	156.139.983.539	211.538.885.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.662.149.277	140.549.545.182
Lãi đầu tư trái phiếu	7.593.287.671	15.311.982.057
Lãi kinh doanh cổ phiếu	4.531.422.481	6.402.646.204
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	56.674.394.367	44.672.212.958
Cổ tức, lợi nhuận được chia	344.236.404.806	330.433.942.245
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh Repo	4.065.553.864	38.159.576.402
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	135.408.304.742	164.344.948.171
	616.171.517.208	739.874.853.219

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	252.447.897	10.013.855.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	181.901.123
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	155.783.348.224	82.715.931.335
Chi phí tài chính khác	38.333.249.376	108.281.882.703
	194.369.045.497	201.193.570.849

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	280.617.600.007	396.980.644.635
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(344.236.404.806)	(330.433.942.245)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(344.236.404.806)	(330.433.942.245)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	52.792.034.687	16.494.664.709
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	-	101.655.857
- Thù lao Hội đồng Quản trị	72.000.000	79.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	104.333.333	104.905.023
- Chi phí giao dịch không được khấu trừ	33.788.924.388	16.209.103.829
- Chi phí khác không được khấu trừ	18.826.776.966	-
Thu nhập chịu thuế	(10.826.770.112)	83.041.367.099
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	20.760.341.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng xây dựng văn phòng tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tạm tính tương đương với 54.954.000USD. Hiện tại, Tòa nhà văn phòng này đã được bàn giao về nguyên tắc và đang trong quá trình vận hành thử nghiệm.
- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 75% giá trị hợp đồng.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 35.000.000.000 đồng tương ứng với 35%.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 18 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết năm tài chính như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	608.185.996.452	500.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	257.368.437.285	139.416.874.186
Nợ thuần	350.817.559.167	360.583.125.814
Vốn chủ sở hữu	6.043.935.021.053	5.999.892.009.314
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,06	0,06

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/ 2013 VND	31/12 2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.368.437.285	139.416.874.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.928.178.649	335.300.107.979
Đầu tư ngắn hạn	1.895.002.286.455	3.231.830.007.058
Đầu tư dài hạn	73.735.613.967	200.612.318.507
Tài sản tài chính khác	10.000.000	45.800.000
Tổng cộng	2.516.044.516.356	3.907.205.107.730
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	70.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	291.053.965.532	1.144.660.174.581
Chi phí phải trả	22.075.890.014	9.942.883.407
Phải trả dài hạn khác	9.132.555.262	-
Vay và nợ dài hạn	538.185.996.452	500.000.000.00
Tổng cộng	930.448.407.260	1.654.603.057.988

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 không thay đổi (do chi phí lãi vay trong kỳ được vốn hoá toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang), đồng thời khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ tăng/giảm khoảng 10 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2012: 10 tỷ đồng)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư và các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại thuyết minh số 6 và số 15.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của quản lý rủi ro thanh toán nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các loại tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.368.930.436	-	261.368.930.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.928.178.649	-	289.928.178.649
Đầu tư ngắn hạn	1.948.786.323.800	-	1.948.786.323.800
Đầu tư dài hạn	-	73.735.613.967	73.735.613.967
Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000
Tổng cộng	2.500.093.432.884	73.735.613.967	2.573.829.046.851
31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	80.050.444.444	-	80.050.444.444
Phải trả người bán và phải trả khác	291.053.965.532	-	291.053.965.532
Chi phí phải trả	22.075.890.014	-	22.075.890.014
Phải trả dài hạn khác	-	9.132.555.262	9.132.555.262
Vay và nợ dài hạn	66.800.832.417	653.691.434.885	720.492.267.302
Tổng cộng	459.981.132.407	662.823.990.147	1.122.805.122.554
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.933.518.022	-	140.933.518.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	335.300.107.979	-	335.300.107.979
Đầu tư ngắn hạn	3.410.879.037.558	-	3.410.879.037.558
Đầu tư dài hạn	8.750.000.000	208.754.679.618	217.504.679.618
Tài sản tài chính khác	40.800.000	5.000.000	45.800.000
Tổng cộng	3.895.903.463.559	208.759.679.618	4.104.663.143.177
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.144.660.174.581	-	1.144.660.174.581
Chi phí phải trả	9.942.883.407	-	9.942.883.407
Vay và nợ dài hạn	71.000.000.000	595.209.027.778	666.209.027.778
Tổng cộng	1.225.603.057.988	595.209.027.778	1.820.812.085.766

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần PVI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschläger	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Tung Shing Lau	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2013)
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 533/VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2014, từ trang 76 đến trang 110, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán đúng theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0036-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 02 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.290.581.231.152	8.389.906.062.676
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884
1. Tiền	111		530.568.875.363	1.007.638.264.884
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.141.510.000.000	765.880.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.135.134.387.096	5.275.830.007.058
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.327.438.523.951	5.356.403.269.249
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(192.304.136.855)	(80.573.262.191)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.411.581.033.655	1.173.648.940.979
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.375.440.865.030	1.124.067.119.187
2. Trả trước cho người bán	132	8	143.617.919.273	68.305.378.240
3. Các khoản phải thu khác	135	9	103.824.919.718	152.113.621.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(211.302.670.366)	(170.837.178.370)
IV. Hàng tồn kho	140		2.447.356.770	1.989.702.670
1. Hàng tồn kho	141		2.447.356.770	1.989.702.670
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		69.339.578.268	164.919.147.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.232.403.747	10.773.744.766
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.939.350.660	90.089.890.454
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	35.167.823.861	64.055.511.865
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.109.292.573.464	2.381.298.366.116
(200=220+250+260)				
I. Tài sản cố định	220		1.377.941.529.079	1.031.461.314.679
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	122.772.727.289	57.066.158.279
Nguyên giá	222		216.018.932.399	145.610.883.373
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.246.205.110)	(88.544.725.094)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	90.543.652.731	42.507.515.470
Nguyên giá	228		132.312.192.048	65.947.176.822
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.768.539.317)	(23.439.661.352)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.164.625.149.059	931.887.640.930
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		596.723.428.748	1.218.758.136.997
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	199.045.745.661	410.428.986.379
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	590.804.798.705	984.682.218.956
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(193.127.115.618)	(176.353.068.338)
III. Tài sản dài hạn khác	260		134.627.615.637	131.078.914.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	104.062.011.034	114.687.513.742
2. Tài sản dài hạn khác	268		30.565.604.603	16.391.400.698
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.399.873.804.616	10.771.204.428.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.479.960.157.619	4.687.926.552.028
I. Nợ ngắn hạn	310		4.930.377.481.511	4.185.637.098.830
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	70.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	19	1.512.631.360.878	1.108.156.127.879
3. Người mua trả tiền trước	313		46.957.534.322	6.288.647.510
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	103.864.808.487	68.211.080.677
5. Phải trả người lao động	315		45.762.942.364	54.871.056.492
6. Chi phí phải trả	316		52.581.227.508	11.114.628.440
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	302.452.370.434	1.166.029.434.723
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	22	2.782.542.926.994	1.757.807.812.454
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.584.310.524	13.158.310.655
II. Nợ dài hạn	330		549.582.676.108	502.289.453.198
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.185.306.469	56.751.207
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	538.185.996.452	500.000.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	336		2.211.373.187	2.232.701.991
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		6.174.698.734.599	6.083.277.876.764
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	6.174.698.734.599	6.083.277.876.764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	414		(157.228.060.975)	(138.219.350.615)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		88.301.438.400	69.119.766.469
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		398.932.352.379	307.684.456.115
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		745.214.912.398	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		12.399.873.804.616	10.771.204.428.792

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.874.982.740.548	989.097.581.167
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	39.634.632.565	41.976.447.838
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	18.165.310,50	19.208.971,63
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	71.421,41	347.395,05



Đào Thị Hồng Thủy
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014



Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng


Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	7.337.884.369.969	5.596.670.456.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.574.256.404.102	3.131.535.256.122
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.763.627.965.867	2.465.135.200.602
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.186.236.224.106	1.252.749.466.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.577.391.741.761	1.212.385.733.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	734.442.318.225	789.344.643.472
7. Chi phí tài chính	22	31	239.709.869.782	216.134.078.410
8. Chi phí bán hàng	24		946.600.387.648	792.433.417.611
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		533.250.801.430	433.365.090.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		592.273.001.126	559.797.791.015
11. Thu nhập khác	31		1.824.773.703	787.032.164
12. Chi phí khác	32		2.544.039.220	55.489.958
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(719.265.517)	731.542.206
14. Phần (lỗ) thuần trong Công ty liên kết	45		(53.655.810.905)	(11.067.129.377)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		537.897.924.704	549.462.203.844
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	182.459.885.350	160.413.142.714
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		355.438.039.354	389.049.061.130
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		24.952.228.785	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		330.485.810.569	389.049.061.130
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.461	1.813


Đoàn Thị Hồng Thủy
Người lập biểu
Ngày 17 tháng 02 năm 2014


Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.651.213.667.684	5.316.987.592.358
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.538.149.635.500)	(4.279.999.393.549)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(321.687.079.260)	(272.241.186.432)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(50.144.444.444)	(18.151.445.834)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(534.386.879.496)	(499.118.522.252)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.065.561.969.305	559.784.995.951
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.844.969.009.640)	(612.187.814.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	427.438.588.649	195.074.226.091
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(273.563.412.062)	(548.224.762.862)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	104.863.636	17.772.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.855.063.636.368)	(7.735.359.231.737)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.298.244.264.232	7.705.461.478.048
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.251.000.000)	(59.206.507.505)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	76.840.741.208	31.184.089.604
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	571.657.525.092	758.871.055.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.030.654.262)	152.743.893.284
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông (i)	31	718.700.000.000	560.796.320.725
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(19.008.710.360)	(13.896.923.265)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.185.996.452	500.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.000.000.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(124.724.610.000)	(307.764.378.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	683.152.676.092	739.135.019.460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	898.560.610.479	1.086.953.138.835
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.773.518.264.884	686.565.126.049
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884

(i) Phản ánh tiền thu từ tăng vốn điều lệ do Sun Life Assurance Company of Canada, cổ đông thiểu số góp vốn vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và các cổ đông thiểu số góp vốn vào Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI.


Đoàn Thị Hồng Thủy
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014


Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là PVI.

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Reinsurance)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)

Thông tin chi tiết về Công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	1.850.000.000.000	100%
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh tái bảo hiểm	668.000.000.000	73,11%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	20-22 Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	1.100.000.000.000	51%

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.935 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.524 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết) và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Công ty áp dụng hạn thanh toán cho tất cả các khoản công nợ tái bảo hiểm là 9 tháng kể từ ngày phát sinh, theo đó dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu sau 15 tháng kể từ ngày phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2013</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa thêm thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, "Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần góp vốn của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào các công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hoạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành cùng ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí: Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo từ khách hàng, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học: Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm toàn phần được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc niên độ kế toán đã được ghi nhận trong năm. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới và trên 1 năm.

Dự phòng bồi thường: Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại hoặc tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải đảm bảo các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để đảm bảo cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm vào theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều kỳ.

Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu Dự phòng nghiệp vụ trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết chung (cho mục đích đầu tư) và Quỹ bảo hiểm liên kết chung chính (cho mục đích bảo hiểm).

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã được ghi nhận trong năm.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	2.046.494.793	1.867.280.662
Tiền gửi ngân hàng	528.522.380.570	1.005.758.984.222
Tiền đang chuyển	-	12.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	2.141.510.000.000	765.880.000.000
Tổng cộng	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	181.193.110.433	243.445.934.805
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	63.334.494.426
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	4.564.860.000.000	3.516.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	492.372.089.700	547.372.089.700
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iii)	23.813.323.818	142.165.750.318
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (iv)	695.000.000.000	844.085.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (v)	370.200.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(192.304.136.855)	(80.573.262.191)
Tổng cộng	6.135.134.387.096	5.275.830.007.058

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(ii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.

(iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty hợp tác với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá trị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước thời hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản đầu tư có dấu hiệu suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(v) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm:

- Khoản trái phiếu doanh nghiệp với giá trị là 40 tỷ đồng, thời hạn thanh toán là ngày 31 tháng 12 năm 2013. Lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6,1 tỷ đồng. Theo Bảo lãnh thanh toán trái phiếu của Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex số 27/BLTTTP/PGB-2010 ngày 31 tháng 12 năm 2010, nếu Tổ chức phát hành không thanh toán bất kỳ nghĩa vụ nào khi đến hạn theo các điều khoản và điều kiện trái phiếu thì Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đó trong vòng một ngày làm việc kể từ khi Công ty có văn bản yêu cầu hoặc khi nhận được thông báo của Đại lý thanh toán về việc Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ thanh toán trái phiếu.

- Khoản trái phiếu doanh nghiệp với giá trị là 200 tỷ đồng, thời hạn thanh toán là tháng 02 năm 2013. Lãi dự thu phải thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 35.672.222.222 đồng (đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 35.672.222.222 đồng). Công ty đã dùng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, đồng thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã trích lập dự phòng cho số lãi phải thu quá hạn với số tiền là 35.672.222.222 đồng (được trình bày tại khoản mục "Dự phòng các khoản phải thu khó đòi") và trích lập dự phòng cho gốc trái phiếu dựa trên sự suy giảm của giá trị tài sản đảm bảo với số tiền là 60 tỷ đồng.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam có giá trị 30 tỷ đồng và khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR có giá trị 20,2 tỷ đồng đã được thông qua chủ trương chuyển nhượng trong thời gian tới. Các khoản đầu tư này được phân loại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam-SSG (PV-SSG) có giá trị 30 tỷ đồng đã được Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng cho đối tác ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đang làm các thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu. Khoản đầu tư này được phân loại từ khoản đầu tư dài hạn khác từ ngày 31 tháng 12 năm 2012.

- Khoản trái phiếu doanh nghiệp trị giá 50 tỷ đồng đáo hạn vào ngày 30 tháng 11 năm 2014, được phân loại từ khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng	1.375.440.865.030	1.124.067.119.187
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	328.171.991.265	350.939.666.334
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	171.263.903.782	159.395.838.448
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	316.583.894.663	238.979.093.295
Phải thu về hoạt động môi giới bảo hiểm	-	25.257.784
Phải thu về hoạt động tài chính	508.496.559.567	369.869.934.400
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	2.674.599.542	2.674.599.542
Các khoản phải thu khác của khách hàng	48.249.916.211	2.182.729.384
Dự phòng phải thu khó đòi	(211.302.670.366)	(170.837.178.370)
Dự phòng phải thu khó đòi phí bảo hiểm	(110.374.092.160)	(96.192.971.326)
Dự phòng phải thu khó đòi lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	(39.877.039.901)
Dự phòng phải thu khó đòi lãi dự thu trái phiếu	(35.672.222.222)	(17.796.666.669)
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(25.379.316.083)	(16.970.500.474)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước theo hợp đồng mua bán căn hộ - Dự án Olalani (Đà Nẵng)	96.191.095.147 96.191.095.147	63.209.770.122 63.209.770.122
Trả trước khác	47.426.824.126	5.095.608.118
	143.617.919.273	68.305.378.240

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	-	51.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng bệnh viện (i)	47.321.768.568	43.019.789.607
Tạm ứng bồi thường bảo hiểm gốc	32.065.519.767	35.473.759.635
Khác	24.437.631.383	22.620.072.680
	103.824.919.718	152.113.621.922

(i) Phải thu từ Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2011/PVI-PVH ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng số PL01-01/2011/PVI-PVH ngày 22 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	34.040.757.188	21.486.383.088
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.127.066.673	42.569.128.777
	35.167.823.861	64.055.511.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	34.219.425.365	52.590.952.907	58.800.505.101	145.610.883.373
Tăng trong năm	432.727.273	8.596.374.546	91.691.353.682	100.720.455.501
Giảm trong năm (i)	32.791.818	641.944.826	29.637.669.831	30.312.406.475
Tại ngày 31/12/2013	34.619.360.820	60.545.382.627	120.854.188.952	216.018.932.399
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	12.598.648.442	27.423.457.258	48.522.619.394	88.544.725.094
Trích khấu hao	1.649.641.531	7.616.718.558	18.841.704.179	28.108.064.268
Tăng khác	346.418.930	-	844.599.093	1.191.018.023
Giảm trong năm (i)	5.127.662	591.015.976	24.001.458.637	24.597.602.275
Tại ngày 31/12/2013	14.589.581.241	34.449.159.840	44.207.464.029	93.246.205.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	20.029.779.579	26.096.222.787	76.646.724.923	122.772.727.289
Tại ngày 31/12/2012	21.620.776.923	25.167.495.649	10.277.885.707	57.066.158.279

(i) Xử lý giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 43.466.555.626 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 42.984.381.424 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	38.365.311.482	27.581.865.340	65.947.176.822
Tăng trong năm	66.479.845.326	-	66.479.845.326
Giảm trong năm	114.830.100	-	114.830.100
Tại ngày 31/12/2013	104.730.326.708	27.581.865.340	132.312.192.048
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	23.439.661.352	-	23.439.661.352
Trích khấu hao	18.443.708.065	-	18.443.708.065
Giảm trong năm	114.830.100	-	114.830.100
Tại ngày 31/12/2013	41.768.539.317	-	41.768.539.317
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	62.961.787.391	27.581.865.340	90.543.652.731
Tại ngày 31/12/2012	14.925.650.130	27.581.865.340	42.507.515.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (i)	1.164.281.365.059	930.681.882.930
Khác	343.784.000	1.205.758.000
	1.164.625.149.059	931.887.640.930

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Chi phí lãi vay trong năm được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 63.317.451.051 đồng (năm 2012: 26.033.333.334 đồng).

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (i)	-	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (ii)	-	78.894.557.965
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (iii)	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR (iii)	-	20.200.000.000
Giá trị gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	204.721.893.200	416.728.754.965
(Lỗ) thuận từ đầu tư vào công ty liên kết	(41.676.147.539)	(6.299.768.586)
	199.045.745.661	410.428.986.379

(i) Ngày 17 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 21/NQ-PVI trong đó thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới. Hiện tại, các thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới đã hoàn tất, công ty đã được nhận lại tổng vốn đầu tư và công ty này với số tiền là 39.581.761.208 đồng.

(ii) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR đã được thông qua chủ trương chuyển nhượng trong thời gian tới. Công ty đang làm các thủ tục cần thiết cho việc chuyển nhượng nêu trên, do đó, các khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	36,4	36,4	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	25,5	25,5	Kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào công ty liên kết của Công ty như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	410.428.986.379	421.007.557.671
Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	(155.440.992.197)	488.558.085
Phần (lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	(53.655.810.905)	(11.067.129.377)
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	(2.286.437.616)	-
Số dư cuối năm	199.045.745.661	410.428.986.379

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phiếu (i)	409.097.437.904	428.289.987.630
Trái phiếu (ii)	10.000.000.000	360.000.000.000
Ủy thác đầu tư (iii)	170.107.360.801	196.392.231.326
Khác	1.600.000.000	-
	590.804.798.705	984.682.218.956

- (i) Phản ánh khoản vốn góp vào các công ty với thời hạn năm giữ trên 1 năm.
- (ii) Trong năm, Công ty đã phân loại khoản đầu tư trái phiếu sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm sang đầu tư tài chính ngắn hạn với số tiền là 290 tỷ đồng (Thuyết minh số 6) và thu hồi 60 tỷ đồng từ nhà phát hành trái phiếu.
- (iii) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 209.984.400.702 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 170.107.360.801 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày trong tại Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác và tin tưởng rằng đối tác sẽ thực hiện được cam kết trả nợ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(170.107.360.801)	(120.000.000.000)
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(23.019.754.817)	(56.353.068.338)
	(193.127.115.618)	(176.353.068.338)

17. CHI TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày đầu năm	114.687.513.742	135.345.435.486
Tăng	26.602.257.860	12.587.284.834
Phân bổ vào chi phí trong năm	(37.227.760.568)	(33.245.206.578)
Tại ngày cuối năm	104.062.011.034	114.687.513.742

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên (Thuyết minh số 23 - Vay và nợ dài hạn).

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	127.769.232.659	142.733.475.711
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	18.084.775.452	11.895.512.405
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	116.598.043.854	46.608.868.379
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.002.820.689.674	756.433.032.443
Các khoản phải trả khác cho người bán	247.358.619.239	150.485.238.941
	1.512.631.360.878	1.108.156.127.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2012	Phát sinh trong năm		Đơn vị: VND 31/12/2013
		Số phải nộp	Số đã nộp	
		Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.617.305.832	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.896.327.407	184.769.348.912	145.569.324.130	86.096.352.189
Thuế môn bài	-	48.500.000	48.500.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	8.697.447.438	36.482.684.035	35.334.860.318	9.845.271.155
	68.211.080.677	570.040.607.306	534.386.879.496	103.864.808.487

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.841.560.568	1.095.807.489.680
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	40.197.208.333	38.399.229.371
Cổ tức phải trả (ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	114.484.021.600	-
Phải trả khác	33.929.579.933	31.822.715.672
	302.452.370.434	1.166.029.434.723

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng phí	1.138.646.979.544	929.629.476.258
Dự phòng bồi thường	604.823.791.008	718.323.426.065
Dự phòng dao động lớn	122.209.255.172	109.854.910.131
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	916.862.901.270	-
	2.782.542.926.994	1.757.807.812.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	502.397.110.500	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (ii)	35.788.885.952	-
	538.185.996.452	500.000.000.000

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam bao gồm 2 khoản:

(a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 21 tháng 02 năm 2014 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 14,2%/năm, sau đó được điều chỉnh hàng quý, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 3,5%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

(b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 28 tháng 6 năm 2015 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 10,5%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,5%/năm. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

(ii) Ngày 10 tháng 9 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay tín dụng trung - dài hạn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ (SeaBank Láng Hạ). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 70 tỷ đồng, thời gian vay là 5 năm với mục đích để hoàn thiện nội thất gắn liền với tòa nhà PVI Tower. Khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng tiền gửi số 02/2013TG/SeAbankHO-PVI ký ngày 20 tháng 6 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động của Hợp đồng tiền gửi bảo đảm cộng với biên độ 1,6%/năm, lãi vay được trả định kỳ 6 tháng/lần. Nợ gốc của khoản vay được trả theo cam kết trong từng Khế ước nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền đã được giải ngân là 35.788.885.952 đồng.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	70.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	156.849.277.626	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	381.336.718.826	375.000.000.000
	608.185.996.452	500.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 18)	70.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	538.185.996.452	500.000.000.000

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	(3.470.275.408)	179.211.820.775	51.638.058.907	254.048.490.805	5.461.348.095.927
Vốn góp	212.947.150.000	347.849.170.725	-	-	-	-	-	560.796.320.725
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(13.896.923.265)	-	-	-	-	(13.896.923.265)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	389.049.061.130	389.049.061.130
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	17.481.707.562	(17.481.707.562)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Chi khác	-	(630.000.000)	-	-	-	-	-	(630.000.000)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	-	(307.764.378.000)	(307.764.378.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.470.275.408	-	-	-	3.470.275.408
Điều chỉnh theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	7.025.072.501	7.025.072.501
Khác	-	1.071.565.097	-	-	-	-	2.807.917.241	3.879.482.339
Tại ngày 01/01/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	-	179.211.820.775	69.119.766.469	307.684.456.115	6.083.277.876.764
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (i)	-	-	(19.008.710.360)	-	-	-	-	(19.008.710.360)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	355.438.039.354	355.438.039.354
Phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(24.952.228.785)	(24.952.228.785)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)	-	-	-	-	-	19.181.671.931	(19.181.671.931)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(29.861.384.229)	(29.861.384.229)
Cổ tức phải trả (iv)	-	-	-	-	-	-	(181.003.813.600)	(181.003.813.600)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành (v)	-	-	-	-	-	-	(3.762.203.029)	(3.762.203.029)
Khác (vi)	-	-	-	-	-	-	(5.428.841.516)	(5.428.841.516)
Tại ngày 31/12/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	-	179.211.820.775	88.301.438.400	398.932.352.379	6.174.698.734.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (i) Trong năm, Công ty đã mua lại 1.056.800 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.
- (ii) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.
- (iii) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi phần còn lại của năm 2012 và tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch năm 2013 đã được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.
- (iv) Cổ tức năm 2012 còn phải trả (8% lợi nhuận sau thuế) sau khi đã tạm ứng 7% lợi nhuận sau thuế trong năm 2012. Mức cổ tức của năm 2012 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Phần cổ tức còn phải trả năm 2012 được Công ty theo dõi là "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (v) Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua việc trích quỹ thưởng Ban điều hành năm 2012 là 1% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.
- (vi) Giảm khác là thuế phải nộp bổ sung theo biên bản quyết toán thuế.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn góp tại ngày 31/12/2013		Vốn góp tại ngày 31/12/2012	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50	831.497.400.000	35,50
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82	745.315.030.000	31,82
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58	271.178.410.000	11,58
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,22	145.932.430.000	6,22
Cổ đông khác	348.494.860.000	14,88	348.494.400.000	14,88
	2.342.418.670.000	100	2.342.418.670.000	100

Cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.827.700	7.770.900
Cổ phiếu phổ thông	8.827.700	7.770.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.414.167	226.470.967
Cổ phiếu phổ thông	225.414.167	226.470.967

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá: 10.000đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ, bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm				Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư		
Tài sản bộ phận	665.649.817.666	1.032.513.608.442	251.258.908.244	13.777.903.931.273	(3.327.452.461.009)	12.399.873.804.616
Nợ phải trả bộ phận	1.877.079.847.829	2.060.228.138.075	1.027.728.267.122	950.767.955.661	(435.844.051.068)	5.479.960.157.619

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm				Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư		
Doanh thu thuần theo bộ phận	1.889.479.373.045	973.849.040.474	106.937.829.514	1.040.647.806.873	(566.499.576.719)	3.444.414.473.187
Bảo hiểm	1.889.479.373.045	973.849.040.474	106.937.829.514	-	(206.638.277.166)	2.763.627.965.867
Đầu tư	-	-	-	1.040.647.806.873	(359.861.299.553)	680.786.507.320
Chi phí theo bộ phận	1.629.257.066.791	962.715.274.953	138.166.311.908	443.521.704.236	(267.143.809.405)	2.906.516.548.483
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	260.222.306.253	11.133.765.522	(31.228.482.394)	597.126.102.637	(299.355.767.314)	537.897.924.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	6.125.152.936.059	4.658.979.488.362
Thu phí nhận tái bảo hiểm	917.215.205.295	613.212.751.480
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	279.233.174.939	253.307.040.953
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	15.906.761.804	28.151.386.322
Doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm	376.291.872	43.019.789.607
	7.337.884.369.969	5.596.670.456.724

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.197.579.493.177	2.941.555.616.095
Tăng dự phòng phí	209.017.503.286	47.864.109.288
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	916.862.901.270	-
Hoàn phí bảo hiểm	240.638.446.849	136.311.389.095
Các khoản giảm trừ khác	10.158.059.520	5.804.141.644
	4.574.256.404.102	3.131.535.256.122

28. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	1.160.921.236.219	1.128.447.176.752
Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm	551.105.970.608	136.594.757.220
Các khoản giảm trừ	(770.692.141.129)	(591.580.139.246)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(760.496.020.406)	(584.551.759.201)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(5.729.320.565)	(1.654.979.415)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(4.466.800.158)	(5.373.400.630)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(65.044.935.749)	(30.089.845.888)
Tăng dự phòng bồi thường	(114.470.986.462)	283.082.170.919
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	77.399.280.790	65.829.757.040
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	347.017.799.829	217.445.800.264
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	82.592.331.601	53.254.914.034
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	205.233.803.850	120.703.767.991
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	59.191.664.378	43.487.118.239
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	-	43.019.789.607
	1.186.236.224.106	1.252.749.466.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.186.236.224.106	1.252.749.466.668
Chi phí nguyên vật liệu	67.702.014.043	58.547.248.667
Chi phí nhân công	462.633.506.731	346.324.231.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.551.772.333	23.821.492.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.436.018.735	620.030.765.873
Chi phí khác	143.527.877.236	177.074.769.994
	2.666.087.413.184	2.478.547.974.649

30. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	474.050.579.207	494.094.346.771
Lãi đầu tư trái phiếu	18.973.495.996	29.051.982.052
Lãi kinh doanh cổ phiếu	4.531.422.481	6.402.646.204
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	56.674.394.367	44.672.212.958
Cổ tức, lợi nhuận được chia	791.689.100	313.859.832
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.463.493.692	10.515.792.090
Doanh thu từ hoạt động mua và cam kết bán lại	4.065.553.864	38.159.576.402
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	135.891.689.518	166.134.227.163
	734.442.318.225	789.344.643.472

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	252.447.897	10.013.855.688
Chi phí hoạt động kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá	6.397.222.222	6.397.222.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.507.846.152	15.611.850.553
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	162.840.462.674	76.187.699.748
Chi phí tài chính khác	41.711.890.837	107.923.450.199
	239.709.869.782	216.134.078.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	537.897.924.704	549.462.203.844
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.003.095.467)	(13.850.240.890)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(791.689.100)	(11.770.487.031)
- Thu nhập không chịu thuế	(3.211.406.367)	(2.079.753.859)
Cộng:	195.944.712.162	106.040.607.900
- Điều chỉnh cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.456.627.199
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	-	4.989.296.957
- Lỗi thuần đầu tư vào công ty liên kết	7.712.273.413	1.555.050.926
- Thù lao Hội đồng Quản trị	214.800.000	199.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1.6 tỷ đồng	800.811.167	354.210.173
- Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	-	304.086.733
- Lỗi tính thuế tại Công ty mẹ	10.826.770.112	-
- Chi phí không được khấu trừ khác	176.390.057.470	87.182.335.912
Thu nhập chịu thuế	729.839.541.399	641.652.570.854
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.459.885.350	160.413.142.714

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	330.485.810.569	389.049.061.130
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	226.250.518	214.549.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.461	1.813

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng xây dựng văn phòng tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tạm tính tương đương với 54.954.000USD. Hiện tại, Tòa nhà văn phòng này đã được bàn giao về nguyên tắc và đang trong quá trình vận hành thử nghiệm.
- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 75% giá trị hợp đồng.
- Góp vốn thành lập công ty con sở hữu 100% là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 08/NQ-PVI ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 18 và 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	608.185.996.452	500.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.174.698.734.599	6.083.277.876.764
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.267.963.114.382	1.105.343.562.739
Đầu tư ngắn hạn	6.135.134.387.096	5.275.830.007.058
Đầu tư dài hạn	397.677.683.087	808.329.150.618
Tài sản tài chính khác	7.692.671.276	46.960.529.475
Tổng cộng	10.480.546.731.204	9.009.981.514.774
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.824.269.037.781	2.274.242.313.809
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	657.405.018.516	729.438.054.505
Các khoản vay	608.185.996.452	500.000.000.000
Tổng cộng	3.089.860.052.749	3.503.608.368.314

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ	USD	978.949.671.696	888.039.342.884	1.016.450.294.273	654.951.525.972
Won Hàn Quốc	KRW	60.812.802.909	40.889.913.444	51.965.375.806	11.509.112.144
Euro	EUR	53.862.236.842	26.153.855.770	49.320.801.105	8.537.652.821
Ringít Malaysia	MYR	3.826.091.594	2.819.552.576	5.723.823.162	3.888.612.833
Rúp Nga	RUB	21.590.250	315.830.423	5.223.422.518	3.902.540.862
Khác		10.159.646.399	6.025.543.615	11.708.409.728	2.661.199.262

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 3.750.062.258 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 không thay đổi (do chi phí lãi vay trong kỳ được vốn hoá toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang), đồng thời khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ tăng/giảm khoảng 10 tỷ đồng (2012: 10 tỷ đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản uỷ thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6,7 và số 15.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các loại tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.692.262.885.625	-	-	2.692.262.885.625
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.267.963.114.382	-	-	1.267.963.114.382
Đầu tư ngắn hạn	6.135.790.318.885	-	-	6.315.790.318.885
Đầu tư dài hạn	2.843.557.534	74.244.169.523	320.589.956.030	397.677.683.087
Tài sản tài chính khác	1.127.066.673	6.565.604.603	-	7.692.671.276
Tổng cộng	10.279.986.943.099	80.809.774.126	320.589.956.030	10.681.386.673.255
31/12/2013				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.815.083.731.312	9.185.306.469	-	1.824.269.037.781
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	657.405.018.516	-	-	657.405.018.516
Các khoản vay	146.851.276.861	653.691.434.885	-	800.542.711.746
Tổng cộng	2.619.340.026.689	662.876.741.354	-	3.282.216.768.043
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.777.680.603.164	-	-	1.777.680.603.164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.105.343.562.739	-	-	1.105.343.562.739
Đầu tư ngắn hạn	5.610.234.613.008	-	-	5.610.234.613.008
Đầu tư dài hạn	388.255.498.773	448.754.679.618	10.000.000.000	847.010.178.391
Tài sản tài chính khác	42.528.328.777	4.386.400.698	-	46.914.729.475
Tổng cộng	8.924.042.606.461	453.141.080.316	10.000.000.000	9.387.183.686.777
31/12/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	2.274.242.313.810	-	-	2.274.242.313.810
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	729.438.054.505	-	-	729.438.054.505
Các khoản vay	71.000.000.000	595.209.027.778	-	666.209.027.778
Tổng cộng	3.074.680.368.315	595.209.027.778	-	3.669.889.396.093

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư PV2
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt
 Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Cùng chủ sở hữu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức phải trả	66.519.792.000	124.724.610.000
Cổ tức đã trả	124.724.610.000	124.724.610.000
Nhận ủy thác quản lý vốn	-	850.000.000.000
Trả gốc ủy thác quản lý vốn	850.000.000.000	-
Chi phí ủy thác quản lý vốn	3.718.749.999	-
Chi phí quản lý	6.531.838.602	4.350.354.276
Trả lãi ủy thác quản lý vốn	77.479.861.111	73.761.111.112
Nhận chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	-	43.019.789.607
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2		
(Điều chỉnh)/Cổ tức được chia	-	(2.278.080.000)
Ủy thác đầu tư	-	100.000.000.000
Thu hồi gốc ủy thác đầu tư	41.000.000.000	134.000.000.000
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư	3.458.804.291	10.911.627.780
Nhận chuyển nhượng cổ phần	30.251.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt		
Ủy thác đầu tư	-	432.372.089.700
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư	46.834.812.298	21.743.918.512
Chuyển nhượng cổ phần	74.517.960.000	5.937.141.096
Chi phí dịch vụ	-	1.516.000.000
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Phí bảo hiểm gốc	2.445.302.281.477	1.442.910.531.681
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	279.924.910.666	250.076.301.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Số dư gốc ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	41.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	432.372.089.700	432.372.089.700
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	1.007.981.700	9.653.981.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	105.837.710.810	22.047.118.512
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	60.159.680.549	110.979.365.106
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	113.841.560.568	1.095.807.489.680
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.591.295.000	-
	3.728.882.901	38.379.631.178

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 5.001.040.679 đồng (năm 2012 là 4.944.631.514 đồng).

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, trong đó quy định khoản phí nhượng tái bảo hiểm được trừ khi tính doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Mặc dù Thông tư 232 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, song để đảm bảo thống nhất giữa các năm tài chính trước và sau khi áp dụng Thông tư 232, Công ty quyết định thực hiện việc phân loại lại phí nhượng tái bảo hiểm từ khoản mục “Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp” (Mã số 11) sang khoản mục “Các khoản giảm trừ doanh thu” (Mã số 02).

Theo đó, một số số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	189.979.640.027	2.941.555.616.095	3.131.535.256.122
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.194.305.082.763	(2.941.555.616.095)	1.252.749.466.668

Đoàn Thị Hồng Thủy
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Mã chứng khoán: PVI, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX

Địa chỉ: 168 Đường Trần Thái Tông - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3734 2299 / Fax: (84-4) 3734 2929

Email: contact@pvi.com.vn / Website: www.pvi.com.vn